

Số: 2034/PVCFC-IR
V/v công bố tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ
bất thường 2025 của PVCFC

Cà Mau, ngày 06 tháng 10 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Tên công ty: **Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau**

Mã chứng khoán: **DCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau.

Điện thoại đi động: (0290) 3819 000

Fax: (0290) 3590 501

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đỗ Thành Hưng

Địa chỉ: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau.

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ Bất thường (24h) ☐ Bất thường (72h) ☐ Khác

Nội dung thông tin công bố: Tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau www.pvcfc.com.vn, mục Quan hệ cổ đông vào ngày 06/10/2025.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT-PVCFC (để b/c);
- BKS -PVCFC(để b/c);
- TGD-PVCFC (để b/c);
- Lưu: VT, IR.

Đính kèm:

- Tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ bất thường.

**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ
CÔNG TY**



Ký bởi: Đỗ Thành Hưng
Ngày ký: 06/10/2025 09:49:45
Tổ chức xác thực: VNPT SmartCA RS



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

**TÀI LIỆU PHIÊN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025**

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ	2
PHẦN I:	
QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU	5
PHẦN II:	
TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SỐ 11 HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ.....	13
PHẦN III:	
TỜ TRÌNH VỀ VIỆC ĐỔI TÊN CÔNG TY; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU	16
PHẦN IV:	
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG NĂM 2025	20
PHẦN IV:	
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY CHẾ.....	23

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
Ngày 05 tháng 11 năm 2025

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Đón tiếp Đại biểu và quý cổ đông	8h00 - 8h30
2	Thủ tục Đại hội: - Khai mạc Đại hội - Công bố điều kiện tổ chức Đại hội (tỷ lệ cổ đông tham dự) - Thông báo Quy chế làm việc của Đại hội, nội quy cuộc họp - Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội	8h30 - 8h45
3	Bầu Ban Kiểm phiếu	8h45 - 8h50
4	Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội	8h50 - 8h55
5	Hội đồng quản trị báo cáo các vấn đề trình cổ đông biểu quyết: 1. Sửa đổi, bổ sung số 11 - Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước (Hợp đồng số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012). 2. Đổi tên Công ty; 3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (theo tên Công ty mới).	9h25 - 9h45
6	Đại hội thảo luận về các vấn đề liên quan đến các Báo cáo, tờ trình	9h45 - 10h05
7	Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình	10h05 - 10h15
8	Thảo luận các nội dung khác liên quan hoạt động của Công ty	10h15 - 10h45
	Đại hội Giải lao	10h45 - 11h00
9	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề trình cổ đông.	11h00 - 11h05
10	Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội	11h05 - 11h15
	Bế mạc Đại hội	11h15

A. CÁC NỘI DUNG VỀ THỦ TỤC

NỘI DUNG 1. QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị (gọi tắt là “HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 (gọi tắt là “ĐHĐCĐ”) thông qua Quy chế tổ chức Đại hội và nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ như đã nêu trên.

NỘI DUNG 2. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU

Để triển khai chương trình đại hội và hỗ trợ Ban tổ chức trong việc kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua thành phần nhân sự của Ban kiểm phiếu.

B. CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐHĐCĐ THÔNG QUA

NỘI DUNG 3. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SỐ 11 - HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ PM3 CAA VÀ LÔ 46 CÁI NƯỚC (HỢP ĐỒNG SỐ 3918/HĐ-DKVN NGÀY 23/5/2012)

- HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung chính Sửa đổi, bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012 với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - PVN).

Nội dung chính của Sửa đổi, bổ sung số 11 là thay đổi chủ thể của Hợp đồng số 3918/HĐ-DKVN: PVN chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên bán khí trong Hợp đồng sang cho Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (PV GAS) sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

- Lý do trình: Hợp đồng mua bán khí ký giữa Công ty với PVN, PV GAS là hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định tại Điều 4, Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 nên thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Vui lòng xem chi tiết trong tài liệu đại hội.

NỘI DUNG 4. ĐỔI TÊN CÔNG TY.

- HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc đổi tên Công ty từ “Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau” thành “Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau”.

- Lý do trình: Theo quy định tại Điều 41, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp - đối với công ty cổ phần, khi thay đổi tên doanh nghiệp phải có Nghị quyết hoặc quyết định của ĐHĐCĐ, vì vậy ĐHĐCĐ có thẩm quyền xem xét và thông qua nội dung này.

NỘI DUNG 5. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU.

- HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với việc đổi tên Công ty; thay đổi đơn vị hành chính theo quy định Nhà nước và cập nhật tên gọi mới của Cổ đông lớn - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Lý do trình: Việc đổi tên Công ty sẽ làm thay đổi Điều lệ Công ty tại nội dung, điều khoản có tên Công ty và theo quy định tại Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020 vấn đề này thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ.

Vui lòng xem chi tiết trong tài liệu đại hội.



NỘI DUNG 6. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung các Quy chế phù hợp với việc đổi tên Công ty.
- Lý do trình: Việc thay đổi tên Công ty sẽ làm thay đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát tại các nội dung, điều khoản có tên Công ty và theo quy định tại Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020 vấn đề này thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ.

Vui lòng xem chi tiết trong tài liệu đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên



PHẦN I:
QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(Họp trực tiếp và biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây được gọi tắt là "Đại hội") bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau bằng hình thức Họp truyền thống (trực tiếp tại phòng họp) và biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Cổ đông*: Là người sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau (Mã chứng khoán: DCM), có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chốt ngày 26/9/2025 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp hoặc là người được cổ đông ủy quyền hợp lệ và đã được Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Công ty) cấp tài khoản truy cập để tham dự Đại hội và bỏ phiếu điện tử.

- *Đại hội*: Là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức theo hình thức họp truyền thống (trực tiếp tại phòng họp) và thực hiện phương thức bỏ phiếu điện tử.

- *Bỏ phiếu điện tử*: Là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết trước hoặc trong cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu trên hệ thống trực tuyến.

- *Hệ thống trực tuyến*: Là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tiếp và bỏ phiếu điện tử.

- *Đăng ký tham dự Đại hội*: Là việc cổ đông sử dụng một kênh thông tin phù hợp thông báo cho Công ty về việc mình hoặc đại diện của mình sẽ thực hiện tham dự Đại hội.

- *Thời gian mở cổng biểu quyết*: Là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể thực hiện biểu quyết các nội dung cần biểu quyết của Đại hội bằng phương thức bỏ phiếu điện tử.

- *Thời gian đóng cửa hệ thống/đóng cổng biểu quyết*: Là thời điểm hệ thống trực tuyến đóng truy cập, khóa biểu quyết, ... theo thông báo của Ban Chủ tọa Đại hội.

- Các từ viết tắt có ý nghĩa như sau: *ĐHĐCĐ/Đại hội*: Đại hội đồng cổ đông; *HĐQT*: Hội đồng quản trị; *Tổ chức phát hành/Công ty*: Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Điều 3: Điều kiện tổ chức Đại hội

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức này.

Đối với các cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp thì Ban tổ chức Đại hội thực hiện cung cấp thông tin đăng nhập và hướng dẫn cổ đông đăng nhập vào hệ thống để biểu quyết điện tử các nội dung của Đại hội.

Trường hợp cổ đông tham dự trực tiếp nhưng không có thiết bị hoặc thiết bị không thể kết nối internet thì Ban tổ chức Đại hội thực hiện cung cấp tài liệu và phiếu biểu quyết bằng phiếu giấy để cổ đông thực hiện các quyền của cổ đông tại Đại hội. Việc kiểm phiếu đối với các phiếu giấy và phiếu gửi về Công ty bằng đường bưu chính đúng hạn định đều được thực hiện kiểm phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Kết quả biểu quyết của cổ đông tham dự trực tiếp, phiếu biểu quyết gửi bằng đường bưu chính đều có giá trị như nhau.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

4.1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội: Toàn bộ các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền đều có quyền tham dự Đại hội. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Việc ủy quyền có thể thực hiện bằng một trong các hình thức sau: Gửi văn bản ủy quyền về trụ sở chính của Công ty; Xuất trình văn bản ủy quyền cho Ban tổ chức Đại hội khi đến tham dự trực tiếp;; Scan giấy ủy quyền và gửi email cho Ban tổ chức Đại hội theo địa chỉ email: ir@pvcfc.com.vn.

Công ty thực hiện cấp tài khoản cho người được ủy quyền tham dự Đại hội và người được ủy quyền thực hiện các quyền của cổ đông sau khi cổ đông hoàn thành việc ủy quyền theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp cổ đông ủy quyền không hết số lượng cổ phần mà mình sở hữu thì số cổ phần còn chưa ủy quyền sẽ được tính là số cổ phần không tham dự Đại hội và không tham gia biểu quyết.

4.2. Cổ đông được coi là tham dự Đại hội khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống khi tới tham dự Đại hội. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự.
- Các cổ đông có trách nhiệm bảo mật các thông tin về tên đăng nhập (Username), mật khẩu/mã OTP do Công ty cung cấp. Tổ chức phát hành được miễn trừ trách nhiệm nếu cổ đông để lộ thông tin đăng nhập/password/OTP.
- Ban tổ chức Đại hội thực hiện mở cửa Hệ thống để cổ đông có thể truy cập vào hệ thống để bỏ phiếu điện tử khi bắt đầu đại hội.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia Đại hội:

4.3.1. Quyền của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, gửi ý kiến đến Đại hội, biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

b. Cổ đông tham dự Đại hội thì thực hiện đăng nhập vào hệ thống tại địa chỉ: dcm.bvote.vn để biểu quyết các vấn đề tại Đại hội. Cổ đông có thể đăng nhập để biểu quyết thông qua hình thức sau:

- Dùng Tên đăng nhập (Username) và mật khẩu đăng nhập vào hệ thống.
- + Tên đăng nhập (Username) của cổ đông là: Số giấy chứng minh nhân dân; Số thẻ căn cước công dân; Mã số doanh nghiệp; Mã số nhà đầu tư nước ngoài. Đối với người được ủy quyền thì Username là số thẻ căn cước công dân, mã số doanh nghiệp của người được ủy quyền.
- + Tên đăng nhập và Mật khẩu được cung cấp khi cổ đông tham dự đại hội.

c. Cổ đông và đại diện của cổ đông có quyền tham dự Đại hội, gửi ý kiến và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng, biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua và giữ nguyên hiệu lực của các đợt biểu quyết đã thực hiện.

d. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Theo đó, với đại diện được ủy quyền, nếu bên được ủy quyền không phải cổ đông của Công ty, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, Công ty sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên được ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về Công ty. Người được ủy quyền tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này, chịu sự điều khiển của Ban Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

4.3.2. Nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

a. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban Chủ tọa Đại hội, Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.

b. Trang phục của Cổ đông, đại biểu đảm bảo tính lịch sự, trang trọng;

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

5.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số thành viên do Công ty chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội: Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

5.2. Phương thức kiểm tra: Ban Kiểm tra tư cách cổ đông xác nhận tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ tài khoản của các cổ đông tham dự trực tiếp, các phiếu biểu quyết gửi về bằng đường bưu chính... để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội.

5.3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

6.1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.

Thành phần Ban kiểm phiếu gồm:

a. Bộ phận kiểm phiếu:



- 01 Đại diện đơn vị độc lập cung cấp dịch vụ kiểm phiếu;
- 01 Cổ đông nhỏ - Thành viên độc lập;
- 01 Đại diện của Công ty.

b. Bộ phận giám sát kiểm phiếu:

- 02 Cổ đông nhỏ - Thành viên độc lập.

6.2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

6.3. Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội.
- Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- Tổng hợp và báo cáo Ban Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội.
- Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu thông qua các nội dung trình Đại hội.
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- Bàn giao biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký Đại hội.
- Cùng Ban Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết (nếu có) và báo cáo để Đại hội quyết định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ban chủ tọa giao.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa

7.1. Ban Chủ tọa đại hội do Đại hội biểu quyết thông qua gồm Chủ tọa và một số thành viên, có chức năng điều khiển Đại hội.

7.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của phiên họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để phiên họp Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- b. Chỉ định Ban Thư ký và giới thiệu để Đại hội bầu chọn Ban kiểm phiếu;
- c. Hướng dẫn việc thảo luận tại phiên họp;
- d. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- e. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời;

7.3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

7.4. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

7.5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (*phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được thông qua*) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a. Hành vi của những người tham dự Đại hội cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn



biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên. Ban Thư ký có các nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;
- Hỗ trợ Ban Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Ban Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

CHƯƠNG III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt quyền. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, số lượng cổ phần mà các cổ đông/người được ủy quyền tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình của Đại hội.

Điều 11. Phát biểu ý kiến trong Đại hội

11.1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình, nội dung Đại hội.

11.2. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Ban Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội bằng hình thức thảo luận, chất vấn trực tiếp. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì việc lựa chọn và mời đại biểu phát biểu do Ban Chủ tọa quyết định.

11.3. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình nghị sự Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật và phải thuộc thẩm quyền, nội dung của Đại hội. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

11.4. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một số cổ đông tối đa không quá 2 (hai) phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký ghi nhận và HĐQT trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản hoặc email cho cổ đông trong thời gian sớm nhất.



Điều 12. Nguyên tắc cổ đông tham gia bỏ phiếu

12.1. Nguyên tắc chung:

Tất cả các vấn đề trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

12.2. Phương thức biểu quyết:

Tất cả các vấn đề theo quy định cần phải thông qua Đại hội, thì cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử. Cổ đông lựa chọn một trong ba đáp án: “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không có ý kiến*” đối với từng vấn đề khi Ban Chủ tọa thông báo xin ý kiến biểu quyết. Mỗi lần biểu quyết chỉ biểu quyết cho một nội dung cần biểu quyết có nghĩa là không gộp chung các nội dung vào cùng một lần biểu quyết.

Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng đường bưu chính hoặc tham dự trực tiếp tại Đại hội và biểu quyết bằng phiếu giấy thì đánh dấu chọn vào một trong ba ô tương ứng “*Tán thành*”, “*Không tán thành*”, “*Không có ý kiến*” đối với từng nội dung xin ý kiến.

Điều 13. Thực hiện biểu quyết

13.1. Thời điểm biểu quyết:

a. Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử khi đại hội bắt đầu cho đến khi Ban Chủ tọa thông báo kết thúc việc bỏ phiếu.

b. Việc bỏ phiếu điện tử thực hiện tại ĐHĐCĐ. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm mở cổng biểu quyết đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết theo thông báo của Ban Chủ tọa.

13.2. Cách thức biểu quyết:

a. Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4.3.2 Điều 4 Quy chế này. Mỗi cổ đông đăng nhập vào hệ thống và biểu quyết thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp đều được coi là quyết định của cổ đông. Hướng dẫn cổ đông truy cập được Ban tổ chức hướng dẫn chi tiết tại Đại hội.

b. Kết quả biểu quyết của từng vấn đề được tính trên tổng số cổ phần tham dự Đại hội tại từng thời điểm biểu quyết.

c. Phương thức biểu quyết:

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết theo quy định tại khoản 12.2 Điều 12 Quy chế này. Nội dung nào cổ đông không tham gia biểu quyết thì số cổ phần của cổ đông được tính là không hợp lệ đối với nội dung không tham gia biểu quyết đó, các nội dung biểu quyết hợp lệ khác của cổ đông không bị ảnh hưởng.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông quyết định chọn phương án biểu quyết và nhấn nút “Gửi biểu quyết” để lưu và gửi kết quả biểu quyết lên hệ thống.

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông không thể thay đổi kết quả biểu quyết sau khi đã gửi kết quả biểu quyết thành công lên hệ thống. Đối với các nội dung biểu quyết được thay đổi hoặc phát sinh trong thời gian tổ chức Đại hội, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết bổ sung cho những nội dung thay đổi, phát sinh đó. Kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là tổng hợp kết quả biểu quyết được ghi nhận tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Chủ tọa thông báo tại Đại hội.

Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, công biểu quyết đối với nội dung đó sẽ được khóa lại và cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông không thể thực hiện biểu quyết đối với nội dung đã bị khóa. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban Kiểm phiếu báo cáo tại Đại hội theo quy định tại Quy chế này.

d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Kết quả biểu quyết của từng nội dung Đại hội sẽ do Ban Kiểm phiếu công bố trước toàn thể ĐHĐCĐ theo chương trình Đại hội.

e. Khi điều hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu điện tử có thể liên hệ với Ban tổ chức để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.

13.3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông có tham gia biểu quyết và có chọn phương án biểu quyết, đồng thời phải hoàn thành việc gửi trên hệ thống.

Điều 14. Kết quả bỏ phiếu

14.1. Kết quả bỏ phiếu được tính trên số cổ phần tham gia biểu quyết điện tử và số cổ phần tham gia biểu quyết bằng phiếu giấy (nếu có).

14.2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp, kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 15. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội

15.1. Các nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành.

15.2. Nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành.

Điều 16. Biên bản cuộc họp Đại hội

16.1. Cuộc họp Đại hội phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, tiếng Anh và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài khác, và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



i. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

16.2. Biên bản họp Đại hội phải hoàn thành và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

16.3. Chủ tọa và Thư ký Đại hội liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội.

Biên bản họp Đại hội được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành công

17.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì ĐHĐCĐ được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

17.2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì ĐHĐCĐ được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Ngày hiệu lực

18.1. Quy chế này gồm 04 chương, 18 điều và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

18.2. Cổ đông, tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia Đại hội của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này./.



PHẦN II:

TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SỐ 11 HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ

TỜ TRÌNH

**Về việc ký kết Sửa đổi bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán khí
PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước số 3918/HĐ-DKVN với PVN**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước số 3918/HĐ-DKVN (dưới đây viết tắt là Hợp đồng 3918/HĐ-DKVN) ký giữa PVCFC và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, dưới đây viết tắt là PVN) ngày 23/5/2012, Sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 26/6/2013, Sửa đổi bổ sung số 02 ký ngày 11/6/2014, Sửa đổi bổ sung số 03 ký ngày 08/8/2014, Sửa đổi bổ sung số 04 ký ngày 17/11/2014, Sửa Đổi Bổ Sung số 05 ký ngày 31/12/2015, Sửa đổi bổ sung số 06 ký ngày 26/10/2017, Sửa đổi bổ sung số 07 ký ngày 13/12/2018, Sửa đổi bổ sung số 08 ký ngày 27/05/2020, Sửa đổi bổ sung số 09 ký ngày 16/02/2023; Sửa đổi bổ sung số 10 ký ngày 09/10/2023 được ký kết giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 7268/NQ-CNNL ngày 21/8/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc phê duyệt chủ trương thay đổi hình thức kinh doanh và phương án điều chỉnh các hợp đồng khí PM3 CAA và lô 46-Cái Nước tại khu vực Cà Mau.

I- Lý do phải ký kết Sửa đổi bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán khí với PVN (Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - trước đây là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam).

Theo Nghị quyết số 7268/NQ-CNNL ngày 21/8/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam) về việc phê duyệt chủ trương thay đổi hình thức kinh doanh và phương án điều chỉnh các hợp đồng khí PM3 CAA tại khu vực Cà Mau, theo đó PVN mua khí từ các Chủ Khí PM3 CAA (đối với lượng khí theo quyền nhận của PVN và mua khí bổ sung từ Petronas (đối với lượng khí PM3 CAA và lô 46-Cái Nước theo quyền nhận của Petronas), sau đó PVN sẽ bán toàn bộ lượng khí PM3 CAA và lô 46-Cái Nước cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV GAS).

PVN và PV GAS sẽ ký Thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Bên bán khí trong các Hợp đồng 3918/HĐ-DKVN từ PVN sang cho PV GAS, PV GAS sẽ là Bên bán và kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của PVN trong Hợp đồng 3918/HĐ-DKVN (thay đổi chủ thể của hợp đồng).

II- Nội dung Sửa đổi bổ sung

Để đảm bảo lượng khí cung cấp ổn định và lâu dài cho sản xuất urea của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua:

1. Nội dung chính Sửa đổi, bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012 với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) giữa 3 bên PVN, PVCFC và PV GAS như nội dung đính kèm;

2. Ủy quyền cho HĐQT PVCFC quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung các nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012 (nếu có) trong trường hợp chủ trương, chính sách của nhà nước có thay đổi liên quan trực tiếp đến các nội dung cơ bản của Hợp đồng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

Đính kèm:

- Dự thảo Sửa đổi bổ sung số 11.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên



NỘI DUNG CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SỐ 11 HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ PM3 CAA VÀ LÔ 46 CÁI NƯỚC SỐ 3918/HĐ-DKVN

Điều 1. Kế thừa các quyền và nghĩa vụ Hợp Đồng

Các Bên đồng ý rằng, kể từ Ngày Hiệu Lực của Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này, Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần thay thế cho PVN trở thành Bên Bán của Hợp Đồng và Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần chấp thuận kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của PVN theo các quy định của Hợp Đồng.

Điều 2. Cam kết của Các Bên

2.1. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần sẽ kế thừa, đảm nhận tất cả các quyền, trách nhiệm pháp lý và thực hiện tất cả các nghĩa vụ của PVN trong Hợp Đồng với Bên Mua, bất kể trách nhiệm và nghĩa vụ đó đã phát sinh, dự kiến phát sinh hoặc có thể phát sinh theo Hợp Đồng vào và/hoặc sau Ngày Hiệu Lực của Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11.

2.2. Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau, với tư cách là Bên Mua của Hợp Đồng tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng với Bên Bán là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

2.3. Kể từ Ngày Hiệu Lực, PVCFC sẽ miễn trừ PVN khỏi các nghĩa vụ theo Hợp Đồng mà PV GAS tiếp nhận với tư cách là Bên Bán của Hợp đồng và sẽ chấp nhận việc PV GAS đảm nhận tuân thủ, thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng.

Điều 3. Các điều khoản chung

3.1. Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này có hiệu lực kể từ Ngày mà cấp có thẩm quyền của Các Bên phê duyệt và Thỏa Thuận Chuyển Giao được ký kết và có hiệu lực ("**Ngày Hiệu Lực**").

3.2. Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này là một phần chính thức, không thể tách rời của Hợp Đồng. Nếu có sự khác biệt giữa Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này và Hợp Đồng thì áp dụng theo các quy định được ghi trong Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11.

3.3. Mặc dù có quy định tại Điều 3.1 nêu trên, ngoại trừ những quyền và nghĩa vụ được Các Bên thỏa thuận khác, các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được áp dụng đối với toàn bộ khối lượng Khí trong thời hạn của Hợp Đồng và bao gồm cả khối lượng Khí giao nhận kể từ 0h00 Ngày 01/10/2025 đến trước Ngày Hiệu Lực và sẽ được Các Bên có trách nhiệm đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Hợp Đồng.

3.4. Tất cả các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng không được sửa đổi theo Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 sẽ giữ nguyên hiệu lực và tiếp tục được Các Bên thực hiện theo quy định của Hợp Đồng.

3.5. Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này được lập thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một (01) bản để thực hiện./.

PHẦN III:

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC ĐỔI TÊN CÔNG TY; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau

I. Căn cứ:

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. Nội dung:

1. Đổi tên Công ty từ “Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau” thành “Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau”.

Nhằm triển khai thực hiện chiến lược phát triển Công ty về tăng quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp - phân bón, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét cho phép đổi tên “Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau” thành “Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau” với các lý do sau:

- Thể hiện tầm vóc, quy mô và mô hình hoạt động theo hướng công ty mẹ - công ty con;
- Nâng cao năng lực nhận diện thương hiệu trong nước và quốc tế;
- Phù hợp với chiến lược mở rộng hoạt động SXKD, phát triển hệ sinh thái nông nghiệp, hóa chất và logistics;
- Góp phần tạo thuận lợi cho kế hoạch M&A, mở rộng thị phần và đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp với việc đổi tên Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do đề xuất
1	Phần mở đầu: Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần	Phần mở đầu: Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần -	Điều chỉnh theo tên gọi mới của Công ty

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do đề xuất
	Phân bón Dầu khí Cà Mau tại đại hội tổ chức vào ngày 16 tháng 6 năm 2025	<i>Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau tại đại hội tổ chức vào ngày 05 tháng 11 năm 2025.</i>	
2	Điểm m, n, o, Khoản 1, Điều 1 - Giải thích thuật ngữ m. “Công ty” là Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau; n. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết; o. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;	<i>Điểm m, n, o Khoản 1, Điều 1 - Giải thích thuật ngữ:</i> <i>m. “Tổng Công ty” là Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;</i> <i>n. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;</i> <i>o. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.</i>	Điều chỉnh theo tên gọi mới của Công ty
3	Khoản 1, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty Tên Công ty. - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU. - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY	<i>Khoản 1, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty:</i> <i>Tên Tổng Công ty.</i> <i>- Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng Việt:</i> CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU. <i>- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Anh:</i> PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER CORPORATION	Điều chỉnh theo tên gọi mới của Công ty
4	Khoản 3, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính:	<i>Khoản 3, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty:</i> <i>Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:</i>	Cập nhật đơn vị hành chính mới theo quy định Nhà nước

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do đề xuất
	Lô D Khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	- Địa chỉ trụ sở chính: <i>Lô D Khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam</i>	
5	Khoản 6 - Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty Logo của Công ty: Logo của Công ty được thiết kế để phù hợp với hệ thống nhận diện Thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; được quản lý, sử dụng trên cơ sở thỏa thuận về chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.	<i>Khoản 6, Điều 2 - Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty</i> <i>Logo của Tổng Công ty: Logo của Tổng Công ty được thiết kế để phù hợp với hệ thống nhận diện Thương hiệu của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam; được quản lý, sử dụng trên cơ sở thỏa thuận về chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.</i>	Điều chỉnh theo tên gọi mới của Cổ đông lớn (Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)
6	Khoản 1, Điều 61 - Ngày hiệu lực Bản Điều lệ này gồm 21 chương 61 điều và một (01) phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau nhất trí thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Cà Mau và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này	<i>Khoản 1 Điều 61 - Ngày hiệu lực:</i> <i>Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 61 Điều và một (01) phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau nhất trí thông qua ngày 05 tháng 11 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</i>	Điều chỉnh theo tên gọi mới của Công ty

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát: Cập nhập nội dung các điều khoản tương ứng với tên gọi mới “Công ty cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau”.

Từ nội dung trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau thành Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;
- Sửa đổi, bổ sung và ban hành toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.



- Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau. Giao Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành các Quy chế này theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau. Giao Ban kiểm soát chịu trách nhiệm ban hành các Quy chế này theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên



PHẦN IV:

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG NĂM 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-PVCFC

Cà Mau, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua;

Căn cứ Biên bản họp số 02/BB-ĐHĐCĐ-2025 và kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau thông qua các nội dung tại cuộc họp bất thường ngày 05/11/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Tờ trình với các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Thông qua nội dung chính Sửa đổi, bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012 giữa 03 bên PVN, PVCFC và PV GAS như Phụ lục I đính kèm.

1.2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị PVCFC quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung các nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012 (nếu có) trong trường hợp chủ trương, chính sách của nhà nước có thay đổi liên quan trực tiếp đến các nội dung cơ bản của Hợp đồng.

1.3. Thông qua việc đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau thành Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.

1.4. Thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau như dự thảo đã trình Đại hội.

1.5. Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như dự thảo đã trình Đại hội và giao Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành Quy chế này theo đúng quy định của pháp luật.

1.6. Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như dự thảo đã trình Đại hội và giao Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành Quy chế này theo đúng quy định của pháp luật.

1.7. Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như dự thảo đã trình Đại hội và giao Ban kiểm soát chịu trách nhiệm ban hành Quy chế này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 05/11/2025.

Điều 3. Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Trưởng các ban, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trần Ngọc Nguyên



Phụ lục I:

NỘI DUNG CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG SỐ 11 HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ PM3 CAA VÀ LÔ 46 CÁI NƯỚC

(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-PVCFC ngày 05/11/2025 của Đại hội đồng cổ đông)

Điều 1. Kế thừa các quyền và nghĩa vụ Hợp Đồng

Các Bên đồng ý rằng, kể từ Ngày Hiệu Lực của Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này, Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần thay thế cho PVN trở thành Bên Bán của Hợp Đồng và Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần chấp thuận kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của PVN theo các quy định của Hợp Đồng.

Điều 2. Cam kết của Các Bên

2.1. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần sẽ kế thừa, đảm nhận tất cả các quyền, trách nhiệm pháp lý và thực hiện tất cả các nghĩa vụ của PVN trong Hợp Đồng với Bên Mua, bất kể trách nhiệm và nghĩa vụ đó đã phát sinh, dự kiến phát sinh hoặc có thể phát sinh theo Hợp Đồng vào và/hoặc sau Ngày Hiệu Lực của Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11.

2.2. Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau, với tư cách là Bên Mua của Hợp Đồng tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng với Bên Bán là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

2.3. Kể từ Ngày Hiệu Lực, PVCFC sẽ miễn trừ PVN khỏi các nghĩa vụ theo Hợp Đồng mà PV GAS tiếp nhận với tư cách là Bên Bán của Hợp đồng và sẽ chấp nhận việc PV GAS đảm nhận tuân thủ, thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng.

Điều 3. Các điều khoản chung

3.1. Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này có hiệu lực kể từ Ngày mà cấp có thẩm quyền của Các Bên phê duyệt và Thỏa Thuận Chuyển Giao được ký kết và có hiệu lực (“**Ngày Hiệu Lực**”).

3.2. Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này là một phần chính thức, không thể tách rời của Hợp Đồng. Nếu có sự khác biệt giữa Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này và Hợp Đồng thì áp dụng theo các quy định được ghi trong Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11.

3.3. Mặc dù có quy định tại Điều 3.1 nêu trên, ngoại trừ những quyền và nghĩa vụ được Các Bên thỏa thuận khác, các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được áp dụng đối với toàn bộ khối lượng Khí trong thời hạn của Hợp Đồng và bao gồm cả khối lượng Khí giao nhận kể từ 0h00 Ngày 01/10/2025 đến trước Ngày Hiệu Lực và sẽ được Các Bên có trách nhiệm đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Hợp Đồng.

3.4. Tất cả các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng không được sửa đổi theo Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 sẽ giữ nguyên hiệu lực và tiếp tục được Các Bên thực hiện theo quy định của Hợp Đồng.

3.5. Sửa Đổi, Bổ Sung Số 11 này được lập thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một (01) bản để thực hiện./.

PHẦN IV:
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY CHẾ

1. Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
2. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
4. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 05 tháng 11 năm 2025

--- 2025 ---



MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty.....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Tổng công ty	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua.....	20
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24



VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty.....	31
Điều 32: Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp độc lập	32
VIII.TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	33
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	34
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	34
Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	35
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	37
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát... ..	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	39
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn.....	40
XIII.PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	40
Điều 47. Trích lập quỹ.....	41
XIV.TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN... ..	41



Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 49. Năm tài chính.....	41
Điều 50. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN	41
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	41
Điều 52. Báo cáo thường niên	42
Điều 53. Công khai thông tin	42
Điều 54. Công bố thông tin sở hữu.....	42
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	42
Điều 55. Kiểm toán.....	42
XVII.DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY.....	43
Điều 56. Dấu của Tổng công ty	43
XVIII.GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	43
Điều 57. Giải thể Tổng công ty	43
Điều 58. Thanh lý	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
XX.BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.	44
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty:.....	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 61. Ngày hiệu lực.....	44
PHỤ LỤC: NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY.....	46



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau tại đại hội tổ chức vào ngày 05 tháng 11 năm 2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - g. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - h. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - i. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - k. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua;
 - l. “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - m. “Tổng công ty” là Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;
 - n. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau, cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;
 - o. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;
 - p. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - q. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
 - r. “Hợp truyền thông” là hình thức người tham gia họp có mặt, trực tiếp tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp tại một địa điểm cụ thể;



s. “Họp trực tuyến” là hình thức họp thông qua thiết bị công nghệ có kết nối mạng internet/PSTN, sử dụng các phần mềm, giải pháp công nghệ truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh để kết nối nhiều người ở các vị trí địa lý khác nhau tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp;

t. “Biểu quyết” là việc cổ đông hoặc các cá nhân, tổ chức được cổ đông ủy quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp truyền thống, biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

u. Quy chế nội bộ về quản trị công ty: là quy chế quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và do Hội đồng quản trị ban hành, quy định về quản trị, điều hành Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

v. Quy chế quản lý nội bộ: là các quy chế do Tổng công ty ban hành, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ được sử dụng trong Điều lệ sẽ được hiểu theo định nghĩa tại Điều 1, trừ khi ngữ cảnh của một quy định cụ thể trong Điều lệ yêu cầu phải hiểu khác. Các từ ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định pháp luật.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty.

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Anh:

PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER CORPORATION

- Tên Tổng công ty viết tắt: **PVCFC**.

2. Tổng công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Lô D Khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

- Điện thoại: 0290.3819.000;

- Fax: 0290.3590501;



- E-mail: pvcfc@pvcfc.com.vn;

- Website: www.pvcfc.com.vn.

4. Mã chứng khoán: DCM.

5. Sàn giao dịch niêm yết: Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE).

6. Logo của Tổng công ty: Logo của Tổng công ty được thiết kế để phù hợp với hệ thống nhận diện Thương hiệu của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam; được quản lý, sử dụng trên cơ sở thỏa thuận về chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Tổng công ty và Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

7. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp ủy quyền, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty: Ngành, nghề của Tổng công ty được quy định chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

- Kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông;
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tổng công ty;
- Phát triển Tổng công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ nông nghiệp và công nghiệp dầu khí. Áp dụng công nghệ sinh học, tiết kiệm năng lượng cho đầu tư phát triển các sản phẩm phục vụ nông nghiệp và các lĩnh vực khác.



Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Tổng công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **5.294.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn hai trăm chín mươi bốn tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **529.400.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần



được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Tổng công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;



d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có liên quan có quy định khác;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng/ giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty. Việc tra cứu, trích lục được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của PVCFC;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát khi Tổng công ty bổ sung, thay thế nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử (nếu có).

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty được tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

5. Cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Có trách nhiệm thông báo chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, bao gồm cả địa chỉ liên hệ và khi có sự thay đổi.
9. Luôn có thái độ hợp tác tốt và ứng xử lịch sự đúng chuẩn mực khi tham gia góp ý kiến xây dựng cho Tổng công ty.
10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một



lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty (theo hợp đồng kiểm toán được ký kết hàng năm giữa hai bên) dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập (thành viên độc lập Hội đồng quản trị), Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba và để đảm bảo công việc sản xuất kinh doanh thông suốt trong lúc này, Hội đồng quản trị có thể thực hiện các bước như quy định tại Khoản 3 và 4, Điều 25 của Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp;



Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Hợp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức họp truyền thống, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trên. Hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập cuộc họp quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập cuộc họp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 1. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;



đ. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

m. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

q. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Tổng công ty ký kết hợp đồng/giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các hợp đồng/giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

t. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

u. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18 và 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên

quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định hình thức, thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (có thể gửi cho cổ đông bằng thư điện tử hoặc số fax theo thỏa thuận/cam kết/đăng ký của cổ đông với Tổng công ty), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin chi tiết ứng viên cần nêu rõ lý lịch trích ngang, kinh nghiệm, trình độ học vấn, quá trình công tác, thời gian bắt đầu nắm giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát trước đó tại Tổng công ty nếu có, thông tin về vị trí đang nắm giữ hiện tại tại các công ty niêm yết và chưa niêm yết khác;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Các dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có đầy đủ thông tin và chi tiết cung cấp cơ sở cho các dự thảo giúp cổ đông thực hiện biểu quyết.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông đối với cổ đông tham dự theo hình thức họp truyền thống: Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đối với cổ đông tham dự theo hình thức họp trực tuyến: Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản và mật khẩu để đăng nhập tham gia họp và biểu quyết trực tuyến, cổ đông thực hiện biểu quyết theo quy định và/hoặc hướng dẫn của hình thức họp trực tuyến;

b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Tổng công ty phải công bố thủ tục biểu quyết được áp dụng trước khi đại hội thực hiện biểu quyết các vấn đề. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Có ít nhất một thành viên ban kiểm phiếu là thành viên độc lập với ban điều hành và cổ đông lớn.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp truyền thống Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp truyền thống;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp



dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Tổng công ty áp dụng hình thức họp trực tuyến để tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp



tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của tòa án, trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
- b. Định hướng phát triển Tổng công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;



đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu theo quy định về bảo mật của Tổng công ty;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận với tỷ lệ như quy định tại Điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Danh sách có liệt kê đầy đủ các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đại diện công ty kiểm toán độc lập có tham dự Đại hội.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và chi tiết nội dung các ý kiến phát biểu của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, chi tiết trả lời của chủ tọa và các đại diện Tổng công ty đối với các ý kiến của cổ đông tại đại hội về từng vấn đề trong chương trình họp;

g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a đến điểm i Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong trường hợp nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi biểu quyết. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- đ. Ngày đầu tiên đã từng giữ chức vụ tại Tổng công ty;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- g. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- h. Các thông tin khác (nếu có);
- i. Công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). Thông tin các ứng viên cần nêu rõ như quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến bảy (07) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và (hoặc) không cư trú tại Việt Nam.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) nhưng số thành viên Hội đồng quản trị vẫn đảm bảo theo quy định thì Hội đồng quản trị có thể phân công lại công việc trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại và tiến hành lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất cho trường hợp từ chức đó và công bố thông tin theo quy định. Trong thời gian chờ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị đã có đơn từ chức sẽ không được thực hiện các quyền và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

5. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tối thiểu một (01) người nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, tối thiểu là hai (02) người nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến bảy (07) người;

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp;

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 138 Luật doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng/giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, ngoại trừ hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;

i. Chấp thuận hợp đồng/giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Quyết định chính sách lao động, tiền lương, tiền thưởng (bao gồm cả khoản chi thưởng an toàn) và các chế độ phúc lợi khác của người lao động Tổng công ty;

o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

p. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng công ty;

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

u. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương, thù lao công việc và thưởng. Lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách



nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Tổ chức đánh giá hiệu quả của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị ít nhất mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
- g. Thay mặt Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong thời gian không có Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời kể từ ngày theo biên bản cuộc họp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm



của Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày theo biên bản cuộc họp theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Số phiếu bầu hay tỷ lệ phiếu bầu được tính là số phiếu bầu hay tỷ lệ phiếu bầu của thành viên HĐQT đó tại ĐHĐCĐ.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích Tổng công ty hoặc một trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể mời và (hoặc) triệu tập các thành phần khác tham gia cuộc họp, các thành viên này được thảo luận, phát biểu nhưng không được quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, đồng thời phải gửi thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 6 Điều này. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm xem xét nội dung, các tài liệu liên quan và quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Nghị quyết/Quyết định được HĐQT thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp truyền thống, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trên. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

15. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Hội đồng quản trị, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 30. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc để phụ trách về các lĩnh vực chuyên môn như chiến lược, quản trị, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán, quản lý rủi ro, phát triển bền vững, Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị



quyết định, có từ hai (02) thành viên trở lên. Thành viên của các ủy ban phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán phải bao gồm nghĩa vụ giám sát, đánh giá chất lượng của quy trình lập báo cáo tài chính; giám sát và đánh giá chất lượng của công ty kiểm toán độc lập.

Hoạt động của các ủy ban phải tuân thủ theo quy chế hoạt động do Hội đồng quản trị phê duyệt. Các ủy ban thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác quy định trong quy chế hoạt động của mỗi ủy ban. Mỗi thành viên ủy ban có một phiếu biểu quyết, quyết định của ủy ban được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch ủy ban đó.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:



- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 32: Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp độc lập

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có quyền sử dụng các dịch vụ tư vấn, kế toán chuyên nghiệp, độc lập bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật (nếu cần thiết) để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Tổng công ty.

Các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát từ kết quả của việc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp vẫn hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Tổng Giám đốc.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp của Tổng công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể



hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định nội bộ; các quy trình thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

- Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Tổng công ty;

b. Có đơn xin từ chức (nêu rõ lý do) gửi Hội đồng quản trị;

c. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

d. Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;

đ. Nghỉ hưu.

- Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế Tổng công ty;

b. Vi phạm pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty là ba (03) đến (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức (nêu rõ lý do) gửi đến trụ sở Tổng công ty và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trong trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Tổng

công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo ngay cho Hội đồng quản trị để triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng/giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng/giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc



kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

13. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

14. Phối hợp, giám sát, đánh giá công tác của kiểm toán độc lập.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

21. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công



ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Hội đồng quản trị giao cho thành viên Hội đồng quản trị độc lập không có liên quan đến các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Tổng công ty và cổ đông hay không.

5. Hội đồng quản trị phải cam kết đảm bảo các hợp đồng/giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan được thực hiện hợp lý theo cơ chế thị trường.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Tối thiểu ba (03) ngày trước ngày bắt đầu và tối đa 03 ngày sau ngày hoàn tất giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch.

9. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây (ngoại trừ trường hợp có phán quyết của Tòa án là giao dịch không công bằng cho cổ đông thiểu số và tạo ra mâu thuẫn lợi ích cho Tổng công ty):

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.



2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

4. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm theo đúng quy định pháp luật cho những người được quy định tại Khoản 2 điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên, theo quy định như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

b. Hội đồng quản trị phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;

c. Tổng Giám đốc phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với những trường hợp không quy định tại điểm a và điểm b Khoản này.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng/giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo

của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty. Tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty, Hội đồng quản trị có thể xem xét chi trả trước cổ tức cho cổ đông.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, cổ tức (nếu có) phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Trích lập quỹ

Hàng năm, Tổng công ty thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một (31) của tháng Mười hai hàng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Tổng công ty lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật, được Hội đồng quản trị phê duyệt và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 53. Công khai thông tin

1. Tổng công ty công bố thông tin bằng tiếng Việt và có thể dịch qua tiếng Anh đối với các tài liệu tối thiểu gồm: Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Ban Kiểm soát, Quy chế nội bộ về công bố thông tin, tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu thông tin cập nhật về tình hình hoạt động của Tổng công ty trên trang điện tử quan hệ cổ đông của Tổng công ty.

2. Việc công bố thông tin bằng tiếng Anh được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 54. Công bố thông tin sở hữu

Thông tin sở hữu của các đối tượng bao gồm: cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý chủ chốt, cần được công bố tỉ lệ cổ phần sở hữu trực tiếp và tỉ lệ cổ phần sở hữu gián tiếp của các đối tượng này.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm/các năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện được Hội đồng quản trị thông qua.

Kiểm toán viên của công ty kiểm toán độc lập không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được khuyến khích tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.



XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 56. Dấu của Tổng công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, văn bản quy phạm nội bộ Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 57. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;



đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Tổng công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 61 Điều và một (01) phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau nhất trí thông qua ngày 05 tháng 11 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ này và các quy chế, quy định, quyết định của Tổng công ty cũng như thảo luận, giao tiếp tại cuộc họp và trong các biên bản cuộc họp là tiếng Việt. Người tham dự cuộc họp có trách nhiệm tự thuê phiên, biên dịch nếu cần. Trường hợp Tổng công ty có thêm phiên bản bằng tiếng nước ngoài,

nếu có sự sai lệch giữa phiên bản tiếng Việt và phiên bản tiếng nước ngoài thì phiên bản tiếng Việt được áp dụng.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty, được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:

Họ và tên: Văn Tiến Thanh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chữ ký:

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHỤ LỤC: NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012 (Chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất khác sử dụng trong công - nông nghiệp. Bán buôn chế phẩm hoạt chất sinh học phục vụ nông nghiệp - công nghiệp - môi trường sinh thái. Bán buôn hoa, cây cảnh, đất và giá thể trồng cây, công cụ, dụng cụ trong nông nghiệp.	4669
3	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất khác sử dụng trong công - nông nghiệp. Bán lẻ chế phẩm hoạt chất sinh học phục vụ nông nghiệp - công nghiệp - môi trường sinh thái. Bán lẻ hoa, cây cảnh, đất và giá thể trồng cây, công cụ, dụng cụ trong nông nghiệp.	4773
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất.	7110
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa (Trừ dịch vụ cung cấp tại sân bay, cảng hàng không)	5224
7	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
8	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
9	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với	7120



STT	Tên ngành	Mã ngành
	các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.	
10	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.	3312
11	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
12	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
13	Cổng thông tin. Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử; Thiết lập mạng xã hội	6312
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: Kinh doanh mua bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp máy móc hỗ trợ, công cụ, dụng cụ và các phụ tùng máy nông nghiệp.	4653
15	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản, các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống.	4620
16	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Chi tiết: Kinh doanh mua bán qua giao dịch điện tử. <i>(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4791
17	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Khảo nghiệm phân bón.	0161
18	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	1104
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê tài sản thuộc chủ sở hữu của doanh nghiệp.	6810
20	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Cung cấp nhân sự vận hành, kiểm tra, sửa chữa máy móc, hệ thống điện sản xuất (Trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).	
21	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp - công nghiệp - môi trường sinh thái.	2029
22	Quảng cáo Chi tiết: Cung cấp, thiết kế vị trí, trình bày và thực hiện quảng cáo trên website, trên phần mềm ứng dụng các thiết bị điện tử, thiết bị cầm tay.	7310
23	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.	8130
24	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa Chi tiết: Chế biến sữa hạt và các sản phẩm từ sữa hạt.	1050
25	Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.	



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Mã số: 2025 - ĐHĐCĐ - QC - QTNB

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-PVCFC ngày / /2025
của Hội đồng quản trị)*

--- 2025 ---



MỤC LỤC:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.	4
Điều 3. Định nghĩa thuật ngữ.	4
Điều 4. Hệ thống quản trị công ty.	5

Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.	6
Điều 6. Triệu tập ĐHĐCĐ.	6
Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.	6
Điều 8. Hợp ĐHĐCĐ và cách thức đăng ký tham dự hợp ĐHĐCĐ.	7
Điều 9. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ.	9
Điều 10. Trình tự và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	9
Điều 11. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.	11
Điều 12. Biên bản ĐHĐCĐ.	11
Điều 13. Khiếu nại và phản hồi khiếu nại về Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.	12

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT.	12
Điều 15. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử thành viên HĐQT.	12
Điều 16. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.	14
Điều 17. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.	15
Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT.	15
Điều 19. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT.	16
Điều 20. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT.	16
Điều 21. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT.	16
Điều 22. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp của HĐQT.	17
Điều 23. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác.	18
Điều 24. Thông qua nghị quyết của HĐQT.	18
Điều 25. Thông qua các nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	19
Điều 26. Biên bản cuộc họp của HĐQT.	19

Chương IV: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty.	20
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty.	20
Điều 29. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.	21
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.	21
Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.	21

Chương V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS.	21
---	----



Điều 33. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên và Tiền lương, thù lao, thưởng lợi ích khác của BKS.	21
Điều 34. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử Kiểm soát viên.....	22
Điều 35. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.	23
Điều 36. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.	24

Chương VI:

TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 37. Thẩm quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.	24
Điều 38. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	24
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.....	24
Điều 40. Thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc.....	24
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc.	25
Điều 42. Thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.	25
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng.	25
Điều 44. Thủ tục bổ nhiệm Kế toán trưởng.....	25
Điều 44. Miễn nhiệm Tổng giám đốc.....	26
Điều 46. Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc.	26
Điều 47. Miễn nhiệm Kế toán trưởng.....	27
Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.....	27
Điều 49. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.	27

Chương VII:

CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

Điều 50. Các Ủy ban thuộc HĐQT.	27
Điều 51. Nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban.	28

Chương VIII:

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc.	28
Điều 53. Quan hệ công việc giữa HĐQT với BKS.	28
Điều 54. Quan hệ công việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành. .28	
Điều 55. Quan hệ công việc giữa BKS với bộ máy điều hành và các đơn vị khác.....	31
Điều 56. Quản lý và sử dụng dấu.	31
Điều 57. Trách nhiệm môi trường và xã hội.	32
Điều 58. Các báo cáo ấn danh.	32

Chương IX:

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

Điều 59. Quản lý rủi ro.....	32
Điều 60. Kiểm soát nội bộ.....	32
Điều 60. Kiểm toán nội bộ (KTNB).....	33
Điều 62. Tuân thủ.	34
Điều 63. Kiểm toán độc lập.....	34

Chương X:

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH

Điều 64. Nghĩa vụ công bố thông tin.	34
Điều 65. Chính sách và thông lệ của việc công bố thông tin.	34



Điều 65. Báo cáo thường niên và Website.	35
Điều 66. Công bố thông tin theo Quy định pháp lý và Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam.....	35
Điều 68. Tổ chức công bố thông tin.	35
Điều 69. Bảo mật thông tin.....	36

Chương XI:

CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 70. Cơ chế đánh giá hoạt động quản trị công ty, khen thưởng và kỷ luật.	36
---	----

Chương XII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Vi phạm và xử lý các vi phạm.	36
Điều 72. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	36
Điều 73. Điều khoản thi hành.....	36



Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, minh bạch thông tin, minh bạch hoạt động, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát (BKS) và cán bộ quản lý của Tổng công ty.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng.

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Định nghĩa thuật ngữ.

1. Tổng công ty: là Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;
2. Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ: là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;
3. Hội đồng quản trị hoặc HĐQT: là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;
4. Ban kiểm soát hoặc BKS: là Ban kiểm soát Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau;
5. Họp truyền thông: là hình thức người tham gia họp có mặt, trực tiếp tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp tại một địa điểm cụ thể;
6. Họp trực tuyến: là hình thức họp thông qua thiết bị công nghệ có kết nối mạng internet/Mạng điện thoại chuyển mạch công cộng (PSTN), sử dụng các phần mềm, giải pháp công nghệ truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh để kết nối nhiều người ở các vị trí địa lý khác nhau tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp;.
7. Hệ thống trực tuyến: Là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Tổng công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.
8. Bỏ phiếu truyền thông: là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Tổng công ty hoặc theo hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ



về quản trị công ty và quy định của pháp luật mà không phải là hình thức bỏ phiếu điện tử.

9. Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên hệ thống trực tuyến.

Điều 4. Hệ thống quản trị công ty.

1. Nguyên tắc chính của quản trị công ty:

a. Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau định nghĩa quản trị công ty là một hệ thống cơ cấu tổ chức và quy trình để định hướng và kiểm soát Tổng công ty, bao gồm một tập hợp các mối quan hệ giữa cổ đông, HĐQT, BKS, ban điều hành với mục đích đem lại những giá trị dài hạn cho cổ đông. Quản trị công ty được coi như một công cụ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, thu hút vốn với chi phí thấp hơn, và xây dựng thương hiệu tốt hơn. Một hệ thống quản trị tốt cũng góp phần quan trọng giúp Tổng công ty phát triển bền vững vì lợi ích tốt nhất của cổ đông, đem lại sự phát triển về mặt dài hạn của nền kinh tế.

b. Khung quản trị công ty của Tổng công ty được xây dựng dựa trên những nguyên tắc sau:

- Công bằng: Tổng công ty cam kết bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo việc đối xử công bằng đối với mọi cổ đông. Tất cả các cổ đông đều được đảm bảo cơ hội bảo vệ quyền lợi của mình nếu quyền lợi của họ bị xâm phạm.

- Trách nhiệm: Tổng công ty công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa Tổng công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và đảm bảo tính phát triển bền vững.

- Trách nhiệm giải trình: Quy chế này xác định trách nhiệm giải trình của HĐQT Tổng công ty đối với mọi cổ đông, và hướng dẫn HĐQT trong công tác hoạch định chiến lược, và định hướng, dẫn dắt và giám sát Ban Điều hành một cách hiệu quả.

- Minh bạch: Tổng công ty đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề trọng yếu trong Tổng công ty, bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, cơ cấu sở hữu và cơ cấu quản trị công ty.

2. Xây dựng hệ thống quản trị công ty tốt.

a. Bằng việc thông qua, tuân thủ và cập nhật Quy chế này, Tổng công ty và HĐQT định hướng xây dựng và thúc đẩy hệ thống quản trị công ty tốt trong toàn tổ chức, và đưa các nguyên tắc quản trị ở cấp độ Tổng công ty không chỉ dừng ở mức tuân thủ quy định pháp luật hiện hành mà cần áp dụng các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong nước và quốc tế.

b. HĐQT chịu trách nhiệm giám sát việc xây dựng, tuân thủ, và rà soát cập nhật định kỳ các chính sách, quy định nội bộ về quản trị công ty và việc triển khai thực hiện, nhằm duy trì sự cam kết của Tổng công ty trong việc thực hiện các thông lệ quản trị công ty tốt mọi lúc và trong toàn tổ chức.



Chương II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (cổ đông phổ thông, cổ đông ưu đãi biểu quyết và cổ đông khác) theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 6. Triệu tập ĐHĐCĐ.

1. Thẩm quyền triệu tập:

a. Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ thường niên và bất thường;

b. Ban kiểm soát thay thế HĐQT để triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường nhưng quá thời hạn quy định của Điều lệ Tổng công ty mà HĐQT không triệu tập;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp phải triệu tập cuộc họp bất thường nhưng quá thời hạn quy định của Điều lệ Tổng công ty mà HĐQT và/hoặc BKS không triệu tập.

2. Quyết định triệu tập:

a. Việc ra quyết định triệu tập ĐHĐCĐ tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động và thẩm quyền của người triệu tập.

b. Căn cứ quyết định hợp pháp về triệu tập ĐHĐCĐ, bộ máy quản lý, điều hành của Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các công tác chuẩn bị và tổ chức cuộc họp theo yêu cầu của người có thẩm quyền triệu tập thông qua việc thành lập Ban Tổ chức và các bộ phận giúp việc cần thiết trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.

1. Lập danh sách cổ đông tham dự:

a. Danh sách cổ đông của Tổng công ty được quản lý tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

b. Căn cứ quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc Tổng công ty lập thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp theo đúng quy định của VSD để gửi cho VSD và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Ngay sau khi VSD/HOSE chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông và HOSE đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của HOSE, thông báo chốt danh sách cổ đông được đăng tải trên website của Tổng công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo họp và gửi thư mời:



a. Tổng công ty đăng tải thông báo họp ĐHĐCĐ trên website Tổng công ty trước ngày họp ít nhất hai mươi một (21) ngày và có thể đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác nếu thấy cần thiết, đồng thời gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch để công bố thông tin theo quy định.

b. Tổng công ty căn cứ Danh sách cổ đông có quyền dự họp do VSD lập và gửi cho Tổng công ty để gửi thư mời họp cho cổ đông. Thư mời họp được gửi theo phương thức bảo đảm đến từng cổ đông theo địa chỉ của cổ đông ghi trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp do VSD lập trước ngày họp ít nhất hai mươi một (21) ngày (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

3. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

a. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm xây dựng dự thảo Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ và chuẩn bị tài liệu theo nội dung chương trình họp.

b. Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị, đề xuất về chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

c. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thư mời họp ĐHĐCĐ, thông báo họp và Thư mời họp phải chỉ dẫn nơi đăng tải tài liệu cuộc họp và các quy định hướng dẫn có liên quan trên website để cổ đông truy cập và nghiên cứu

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Họp ĐHĐCĐ và cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.

ĐHĐCĐ có thể được tổ chức theo hình thức họp truyền thống hoặc họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức tùy theo quyết định của người triệu tập đại hội theo các quy định dưới đây.

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp:

a. Cổ đông có trách nhiệm thông báo trước việc tham dự họp thông qua các hình thức thông tin liên lạc phù hợp theo hướng dẫn trong thư mời họp và thông báo họp nhằm giúp cho Ban Tổ chức chuẩn bị tốt công tác tổ chức cuộc họp.

b. Cổ đông có quyền trực tiếp dự họp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Thủ tục ủy quyền dự họp được tiến hành theo hướng dẫn trong thông báo/thư mời họp.

2. Vào ngày tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ:

a. Đối với tổ chức ĐHĐCĐ truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp.

- Cổ đông đến dự họp tại ngày họp sẽ được Ban Tổ chức hướng dẫn đăng ký dự họp, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.



- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa phiên họp không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

b. Đối với họp trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua hệ thống trực tuyến.

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực cổ đông tham dự. Tổng công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại thư mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Quy chế này và có nghĩa vụ:

+ Bảo mật thông tin liên quan đến tài khoản truy cập của mình đã được Tổng công ty cung cấp như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc truy cập để dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đảm bảo rằng người đại diện theo ủy quyền tuân thủ quy định tại khoản này như cổ đông.

+ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

+ Thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

c. Đối với đại hội được tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại điểm a và b khoản này.

- Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản này.

- Các cổ đông chỉ dự họp thông qua hệ thống trực tuyến sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản này.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp/ủy quyền dự họp trực tiếp thì Tổng công ty tổ chức đăng ký cổ đông dự họp như quy định với cổ đông họp trực tiếp.

3. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 15, Điều lệ Tổng công ty.



Điều 9. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ.

ĐHĐCĐ được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 18 của Điều lệ Tổng công ty và quy định tương ứng của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 10. Trình tự và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

1. Hình thức biểu quyết, bỏ phiếu:

Đối với mỗi hình thức tổ chức họp truyền thống hoặc họp trực tuyến hay kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết.

a. Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử);

b. Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

- Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ..)

- Mỗi cổ đông đăng nhập vào hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông đã được cung cấp tại thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

- Kết quả bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian có thể bắt đầu truy cập hệ thống trực tuyến để thực hiện việc bỏ phiếu điện tử sẽ do Người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định và sẽ thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ bắt đầu diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại phiên họp theo quyết định của Người triệu tập ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa phiên họp.

c. Trường hợp Tổng công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức để biểu quyết. Trường hợp cổ đông biểu quyết bằng cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết thì hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết:

a. Thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ.

Các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp bao gồm:

- Thông qua chương trình nghị sự của cuộc họp;
- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu;
- Thông qua quy chế bầu cử/kiểm phiếu;



- Thông qua danh sách bầu cử;
- Thông qua Biên bản và nghị quyết cuộc họp.

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề thủ tục trong tổ chức cuộc họp được tiến hành theo phương thức cổ đông giơ thẻ biểu quyết (đối với cổ đông tham dự Hội họp truyền thống) và biểu quyết điện tử (đối với cổ đông tham dự Hội họp trực tuyến), và được thông qua khi có trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự họp tán thành.

b. Thông qua các quyết định theo thẩm quyền của ĐHĐCĐ:

- Việc biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định, trừ việc bầu cử HĐQT và BKS, sẽ được cổ đông thực hiện bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu được quyền biểu quyết của cổ đông, với các phương án biểu quyết là tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- Tại phiên họp truyền thống, Tổng công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông. Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một (01) phiếu biểu quyết với số cổ phần sở hữu và trên phiếu biểu quyết sẽ ghi tất cả các hạng mục trình ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông chọn phương án biểu quyết riêng cho từng hạng mục. Cổ đông hoàn tất việc biểu quyết bằng việc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu vào thời điểm theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- Đối với bỏ phiếu điện tử, cổ đông thực hiện việc biểu quyết trên hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc hướng dẫn sử dụng trên hệ thống trực tuyến.

3. Cách thức bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS:

a. Việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bằng phương thức bầu dồn phiếu. Trong phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu BKS có các thông tin về số phiếu bầu của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu, danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua, số thành viên được bầu tối đa và nội dung hướng dẫn tóm tắt cách thức bầu dồn phiếu. Cách thức bầu cử được quy định cụ thể và chi tiết trong Quy chế bầu cử và kiểm phiếu.

b. Tại phiên họp truyền thống, cổ đông hoàn tất việc bầu cử bằng việc bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu vào thời điểm theo chương trình nghị sự và theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

c. Đối với bỏ phiếu điện tử cổ đông thực hiện việc bầu cử trên hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc bầu cử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc hướng dẫn sử dụng trên hệ thống trực tuyến.

4. Cách thức kiểm phiếu:

a. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực riêng biệt tại nơi tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ. Ban kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc và áp dụng các phương pháp kiểm phiếu phù hợp, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả kiểm phiếu. Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Chủ tọa cuộc họp sẽ mời một số cổ đông đại diện tham gia giám sát quá trình thu và kiểm phiếu biểu quyết/bầu cử.



- b. Việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau:
- Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thông và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập biên bản kiểm phiếu.
 - Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thông và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử.
- c. Việc xác định kết quả biểu quyết/bầu cử của ĐHĐCĐ đối với các nội dung liên quan căn cứ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và của pháp luật.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- a. Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo với Chủ tọa về việc đã có kết quả kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp sẽ mời Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể ĐHĐCĐ.
- b. Kết quả kiểm phiếu được công bố công khai trước ĐHĐCĐ là căn cứ để Thư ký cuộc họp đưa vào dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết cuộc họp

6. Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết cuộc họp:

Thư ký cuộc họp trình bày tóm tắt dự thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.

1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị thành lập ban kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: Thành viên độc lập HĐQT, đại diện BKS, thành viên ban thư ký, trong đó thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban kiểm phiếu. Trong trường hợp không có thành viên độc lập HĐQT tại thời điểm kiểm phiếu thì Chủ tịch HĐQT làm trưởng ban.
3. Khi thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT phải phân công đầu mối tiếp nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông gửi đến Tổng công ty, và bộ phận tiếp nhận phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo thông tin được giữ bí mật cho đến khi tiến hành kiểm phiếu.

Điều 12. Biên bản ĐHĐCĐ.

1. ĐHĐCĐ phải được ghi vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và tại Quy chế này. Thư ký cuộc họp sử dụng các phương tiện, hình thức phù hợp để ghi lại toàn bộ diễn biến cuộc họp, các ý kiến phát biểu, thảo luận và kết quả thông qua các nội dung quyết định của ĐHĐCĐ. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Ngay sau khi bế mạc cuộc họp, Thư ký và Chủ tọa phải hoàn tất thể thức văn bản của biên bản và nghị quyết cuộc họp theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty để công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.
2. Đối với trường hợp thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, việc lập Biên bản tổng hợp ý kiến ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.



3. Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 13 Quy chế này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 13. Khiếu nại và phản hồi khiếu nại về Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

1. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố, cổ đông có quyền gửi ý kiến bằng văn bản cho Chủ tọa ĐHĐCĐ để phản đối những nội dung biên bản mà cổ đông cho rằng không phản ánh trung thực những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ. Ý kiến phản đối phải nêu rõ lý do phản đối và bằng chứng xác thực để chứng minh.

2. Chủ tọa ĐHĐCĐ sẽ triệu tập cuộc họp xem xét những ý kiến phản đối với thành phần gồm có: Chủ tọa ĐHĐCĐ, Thư ký cuộc họp, đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện Ban kiểm phiếu và một cổ đông khác không nắm chức vụ quản lý trong Tổng công ty.

3. Biên bản họp xem xét ý kiến phản đối phải được ghi chép tóm tắt nội dung phản đối, lý do cùng những bằng chứng chứng minh. Phần kết luận của biên bản phải nêu rõ những ý kiến phản đối có hợp lý và có căn cứ hay không, đồng thời có kết luận cuối cùng về tính xác thực của các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được ghi trong biên bản họp ĐHĐCĐ.

4. Căn cứ kết luận của cuộc họp xem xét khiếu nại, Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ gửi văn bản phản hồi/thông báo đến cổ đông có khiếu nại.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động của Tổng công ty tuân thủ pháp luật, tuân thủ điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

4. Trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 15. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử thành viên HĐQT.

1. Nhiệm kỳ, thành phần và số lượng thành viên HĐQT:



a. Nhiệm kỳ, thành phần và số lượng thành viên HĐQT được quy định tại Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

b. Cơ cấu thành phần HĐQT luôn hướng tới đảm bảo đa dạng về: Giới tính, tuổi tác, lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

c. Cơ cấu HĐQT của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

d. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tối thiểu một (01) người nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, tối thiểu là hai (02) người nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến bảy (07) người;

2. Điều kiện đề cử, tự ứng cử thành viên HĐQT, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT:

a. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HĐQT:

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo Luật Doanh nghiệp và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty tại thời điểm ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Tổng công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đề cử.

- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.

- Không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 Công ty khác.

b. Số lượng ứng cử viên HĐQT:

Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số thành viên HĐQT cần bầu. Các cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.

c. Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT:

- Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên với các điều kiện như sau:

- + Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT;

- + Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

- Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên tiến hành bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết theo nguyên tắc trên 50% tổng số quyền biểu quyết tán thành.

3. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT:



a. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT bao gồm: - Đơn ứng cử tham gia HĐQT có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT;

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) hoặc giấy tờ tương đương của Công ty chứng khoán nơi (nhóm) cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày chốt Danh sách cổ đông cho mục đích của cuộc họp ĐHĐCĐ);
- Biên bản họp nhóm;
- Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có công chứng: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/căn cước công dân, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn;
- Các nội dung khác theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.

b. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT:

- Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Tổng công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất hai mươi mốt (21) ngày.
- Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Phương thức bầu thành viên HĐQT:

Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

- a. Mỗi cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên dự kiến được bầu vào HĐQT;
- b. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho một số ứng cử viên được lựa chọn.

5. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT:

- a. Số người trúng cử thành viên HĐQT lấy từ người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định và phải đạt tỷ lệ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp.
- b. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau mà phải chọn số người trúng cử ít hơn thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo quy định trong Quy chế bầu cử tại Đại hội.

Điều 16. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

1. Thành viên HĐQT được xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức thành viên HĐQT và được chấp thuận;



b. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi;

c. Thành viên đó rơi vào tình trạng không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT.

2. Thành viên HĐQT được xem xét bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT.

b. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thành viên HĐQT, có hành vi gây thiệt hại.

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

b. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong thời gian không có Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời kể từ ngày theo biên bản cuộc họp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày theo biên bản cuộc họp theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

Trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định hoặc do thành viên HĐQT bị mất tư cách thành viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty phải được thông báo cho cổ đông và công chúng theo quy định về công bố thông tin của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT.

1. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

2. Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách thì hưởng lương và phụ cấp đặc thù theo quy chế/chính sách của Tổng công ty, thành viên làm việc không chuyên trách/kiêm nhiệm thì hưởng thù lao.



Điều 19. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT.

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ, bất thường theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Tổng công ty. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức cuộc họp. Nội dung trao đổi tại cuộc họp bằng tiếng Việt là ngôn ngữ chính. Trường hợp có thành viên HĐQT là nước ngoài tham dự cuộc họp thì Tổng công ty sẽ hỗ trợ tối đa cho người tham gia cuộc họp trong việc thuê phiên dịch để tham gia cuộc họp một cách hiệu quả.

2. Hội đồng quản trị phải được triệu tập họp bất thường khi nhận được các đề nghị bằng văn bản của một trong các trường hợp sau:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
- c. Ban kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

3. Cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Khoản 2 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp.

4. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Tổng công ty. Trong khả năng cho phép, người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu Tổng giám đốc Tổng công ty chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét thảo luận tại cuộc họp.

Điều 20. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT.

1. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ 3/4 số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền

2. Trường hợp triệu tập lần thứ nhất nhưng không có đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp sẽ được triệu tập lại lần thứ hai trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền.

Điều 21. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT.

1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (nếu TGD không là thành viên HĐQT), BKS, đại diện các ban/đơn vị trực thuộc HĐQT, Thư ký Công ty.



2. Khi cần thiết, HĐQT có thể mời và (hoặc) triệu tập các thành phần khác tham gia cuộc họp, các thành viên này được thảo luận, phát biểu nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Tổng công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Tổng công ty dự họp.

4. Những người được mời họp không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp của HĐQT.

Các cuộc họp của HĐQT thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.

1. Chuẩn bị cuộc họp:

a. Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.

b. Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Tổng công ty, chuẩn bị ý kiến về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

c. Thư ký Công ty và bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập họp và gửi tài liệu.

d. Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

2. Trình tự tiến hành cuộc họp:

a. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp thông báo thành phần, nội dung, chương trình nghị sự cuộc họp;

b. Người được phân công báo cáo tại cuộc họp thuyết trình về các nội dung và kiến nghị để HĐQT xem xét, quyết định;

c. Các thành viên thảo luận, xem xét các vấn đề theo tài liệu, báo cáo và thuyết trình tại cuộc họp;

d. Người chủ trì cuộc họp kết luận và lấy biểu quyết thông qua từng vấn đề thảo luận và nội dung nghị quyết của cuộc họp;

e. Thông qua Nghị quyết, Biên bản cuộc họp;

f. Các thành viên HĐQT, Thư ký Công ty ký tên vào Biên bản cuộc họp.

3. Gửi ý kiến biểu quyết và ủy quyền tham dự cuộc họp:

a. Thành viên HĐQT vắng mặt có quyền biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Văn bản ý kiến phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những thành viên HĐQT dự họp.

b. Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp, không gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản mà ủy quyền cho người khác dự họp thì phải có văn bản ủy quyền



nêu rõ nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền tham dự và biểu quyết, đồng thời cam kết thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về ý kiến biểu quyết của người được ủy quyền.

c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp của HĐQT và biểu quyết các vấn đề tối đa 2 lần/năm trong trường hợp ốm đau, bệnh tật không thể tham dự hoặc trường hợp bất khả kháng.

Điều 23. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác.

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức trực tuyến hoặc theo hình thức khác hoặc kết hợp giữa nhiều hình thức khi tất cả hoặc một số thành viên dự họp đang có mặt tại những địa điểm khác nhau và với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Trình bày, trao đổi trực tiếp được với tất cả các thành viên tham dự về ý kiến của mình.

2. Mỗi thành viên HĐQT tham gia cuộc họp theo phương thức nêu trên được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp có mặt sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

3. Các nghị quyết được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc hình thức họp lệ khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này trong biên bản.

Điều 24. Thông qua nghị quyết của HĐQT.

1. Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số trên tổng số thành viên HĐQT dự họp hợp lệ (trên 50%). Mỗi thành viên HĐQT có mặt với tư cách cá nhân, thông qua người được ủy quyền họp lệ hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản có một phiếu biểu quyết với giá trị ngang nhau, nếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty hoặc pháp luật có quy định khác. Việc biểu quyết sẽ được tiến hành công khai bằng cách giơ tay và kết quả biểu quyết phải được Thư ký Công ty ghi cụ thể và rõ ràng trong Biên bản cuộc họp HĐQT.

2. Ý kiến phát biểu trực tiếp trong cuộc họp HĐQT của từng thành viên sẽ được ghi vào biên bản và được người chủ trì kết luận cuối buổi họp.

3. Biểu quyết:

a. Việc biểu quyết sẽ được tiến hành công khai bằng cách giơ tay và kết quả biểu quyết phải được Thư ký Công ty ghi cụ thể rõ ràng trong Biên bản cuộc họp HĐQT.

b. Đối với những vấn đề quan trọng bắt buộc phải lấy ý kiến của tất cả các thành viên HĐQT: thành viên vắng mặt phải biểu quyết bằng phương thức cho ý kiến bằng văn bản và gửi đến Thư ký Công ty chậm nhất hai (02) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc họp.

4. Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích (cùng với lợi ích của bất kỳ những người có liên quan nào) mà đối với thành viên đó lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Tổng công ty;



hoặc là lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà lại mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

5. Những quyết định đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị...) và chuyển đến các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành. Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT phụ trách mảng công việc đó theo phân công ký ban hành các văn bản chính thức này.

6. Các văn bản Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT và BKS để theo dõi và giám sát thực hiện; đồng thời được chuyển cho người công bố thông tin để thực hiện việc công bố thông tin những nội dung cần phải công bố thông tin theo quy định cho các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và công chúng.

Điều 25. Thông qua các nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Trong trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, các nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số (trên 50%) trên tổng số thành viên HĐQT. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty hoặc pháp luật có quy định khác. Chủ tịch HĐQT và Thư ký Công ty tổng hợp kết quả kiểm phiếu ý kiến và ghi vào biên bản tổng hợp ý kiến thông qua nghị quyết của HĐQT.

2. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Việc ban hành các nghị quyết bằng hình thức này tuân theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 24 Quy chế này.

Điều 26. Biên bản cuộc họp của HĐQT.

1. Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT. Biên bản cuộc họp của HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ chữ ký của Thư ký Công ty, các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và Chủ tịch HĐQT hay người được ủy quyền chủ trì cuộc họp. Biên bản cuộc họp HĐQT là bằng chứng xác thực về những công việc đã tiến hành trong cuộc họp, những nội dung mà HĐQT đã quyết nghị, hoặc những ý kiến bảo lưu của thành viên HĐQT.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

3. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định.



4. Trong trường hợp chủ tịch và/hoặc người được chủ tịch ủy quyền chủ trì (chủ tọa) phiên họp đó không ký nghị quyết thì HĐQT họp và bầu ra người đại diện để ký ban hành, trên cơ sở theo nguyên tắc đa số các thành viên HĐQT tham dự họp.

5. Chủ trì cuộc họp, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

6. Các tài liệu liên quan đến cuộc họp gồm: Biên bản cuộc họp, Nghị quyết, các Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại Tổng công ty theo chế độ bảo mật của Tổng công ty.

7. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, BKS và Tổng giám đốc để thực hiện, theo dõi, giám sát.

Chương IV: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty.

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty.

1. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.



2. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm Thư ký Công ty.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

HĐQT có thể miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và theo quy định của pháp luật.

Chương V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS.

1. Ban kiểm soát có vai trò giám sát các hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty; phối hợp với HĐQT, Tổng giám đốc để giám sát hoạt động của công ty kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo các hoạt động của Tổng công ty được minh bạch, hợp pháp vì lợi ích của các cổ đông và Tổng công ty.

2. Quyền, nghĩa vụ của BKS được quy định tại Điều 39 Điều lệ Tổng công ty.

3. Trách nhiệm của kiểm soát viên được quy định tại Điều 42, Điều 43 Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật. Hàng năm BKS báo cáo đánh giá hiệu quả của HĐQT, Ban điều hành, và đơn vị Kiểm toán độc lập tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 33. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên và Tiền lương, thù lao, thưởng lợi ích khác của BKS.

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên của BKS.

a. Số lượng thành viên BKS và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên Tổng công ty được quy định tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty. Các Kiểm soát viên không phải là



người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

b. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty.

c. Ban kiểm soát phải bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- Triệu tập cuộc họp BKS;
- Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
- Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được quy định tại Điều 41 Điều lệ Tổng công ty và các quy định nội bộ của Tổng công ty.

Điều 34. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử Kiểm soát viên.

1. Điều kiện đề cử, tự ứng cử kiểm soát viên, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS.

a. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử vào BKS:

- Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Tổng công ty.

- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

b. Số lượng ứng cử viên BKS:

Số lượng ứng cử viên để bầu vào BKS do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số Kiểm soát viên dự kiến được bầu vào BKS.

2. Cách thức và hồ sơ, thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào BKS.

Tổng công ty thông báo nội dung bầu cử BKS dự kiến tiến hành trong cuộc họp ĐHĐCĐ, về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu hồ sơ cần thiết để các cổ đông xem xét thực hiện việc ứng cử, đề cử ứng viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện việc ứng cử, đề cử theo cách thức và hồ sơ như sau:

a. Hồ sơ đề cử/ứng cử BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia BKS có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên BKS một cách trung thực nếu được bầu vào BKS;



- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;
- Biên bản họp nhóm. Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên.
- Các nội dung khác theo qui định tại Điều 36 Điều lệ Tổng công ty.

b. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử BKS:

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Tổng công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất hai mươi một (21) ngày làm việc. Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là Kiểm soát viên mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

c. Tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS:

- Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên với các điều kiện như sau:

- + Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên;
- + Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.
- Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được thông báo tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

3. Phương thức bầu cử, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử:

Phương thức bầu cử, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử vào BKS thực hiện tương tự như quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 14 Quy chế này.

Điều 35. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.

1. Thành viên BKS được xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức thành viên BKS;
- b. Thành viên đó rơi vào tình trạng không đủ tư cách làm thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên BKS;
- c. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi;

2. Kiểm soát viên được xem xét bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ Tổng công ty;



d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 36. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.

Trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS do ĐHĐCĐ quyết định hoặc do thành viên BKS bị mất tư cách thành viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty phải được thông báo cho cổ đông và công chúng theo quy định về công bố thông tin của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty.

Chương VI:
TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 37. Thẩm quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 38. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật Tổng công ty, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo quy định tại Điều 33, Điều 34 và Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.

Người được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;
2. Có trình độ chuyên môn từ bậc đại học trở lên về quản trị kinh doanh hoặc về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
3. Có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty ít nhất năm (05) năm;
4. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc tham gia chức vụ điều hành ở một doanh nghiệp khác.
5. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty đó.

Điều 40. Thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc.

1. Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Tổng giám đốc, bao gồm pháp luật, Điều



lệ, Quy chế quản trị, các quy định, quy chế khác của Tổng công ty. Ngoài ra HĐQT có thể ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Tổng giám đốc để quy định cụ thể.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc.

Người được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;
2. Có trình độ chuyên môn từ bậc đại học trở lên về quản trị kinh doanh hoặc về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
3. Có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty ít nhất năm (05) năm;
4. Không đồng thời tham gia chức vụ quản lý, điều hành ở một doanh nghiệp khác, trừ trường hợp được HĐQT cử tham gia quản lý, điều hành ở doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

Điều 42. Thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

1. Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
2. Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Phó Tổng giám đốc, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định, quy chế khác của Tổng công ty. Ngoài ra HĐQT có thể yêu cầu Tổng công ty ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Phó Tổng giám đốc để quy định cụ thể.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng.

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không phải là người không được làm kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;
2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;
3. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc đại học trở lên;
4. Thời gian công tác thực tế về kế toán doanh nghiệp ít nhất là năm (05) năm;
5. Có chứng chỉ đã qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng;
6. Không đồng thời tham gia chức vụ quản lý, điều hành ở một doanh nghiệp khác, trừ trường hợp được HĐQT cử tham gia quản lý, điều hành ở doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

Điều 44. Thủ tục bổ nhiệm Kế toán trưởng.

1. Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Kế toán trưởng phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Kế toán trưởng theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.



2. Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Kế toán trưởng, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định, quy chế khác của Tổng công ty. Ngoài ra HĐQT có thể yêu cầu Tổng công ty ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Kế toán trưởng để quy định cụ thể.

Điều 44. Miễn nhiệm Tổng giám đốc.

1. HĐQT miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a. Tổng giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 38 Quy chế này;
 - b. Tổng giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Tổng giám đốc, hoặc Tổng giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục;
 - c. Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Tổng công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty;
 - d. Năng lực điều hành kém khiến Tổng công ty kinh doanh thua lỗ hai (02) năm liên tiếp mà không phải do nguyên nhân khách quan;
 - e. Tổng giám đốc bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự;
 - f. Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Tổng giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.
2. Việc miễn nhiệm Tổng giám đốc phải được HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
3. HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc bị miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Tổng công ty (nếu có).

Điều 46. Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc.

1. HĐQT miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a. Phó Tổng giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 40 Quy chế này;
 - b. Phó Tổng giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc;
 - c. Phó Tổng giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục;
 - d. Phó Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Tổng công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty;
 - e. Phó Tổng giám đốc bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự;
 - f. Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Phó Tổng giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.
2. HĐQT có thể yêu cầu Phó Tổng giám đốc bị miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Tổng công ty (nếu có).



Điều 47. Miễn nhiệm Kế toán trưởng.

1. HĐQT miễn nhiệm Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:
 - a. Kế toán trưởng ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 42 Quy chế này;
 - b. Kế toán trưởng có đơn xin từ chức; hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Kế toán trưởng;
 - c. Kế toán trưởng không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục;
 - d. Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác kế toán của Tổng công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty;
 - e. Kế toán trưởng bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự;
 - f. Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Kế toán trưởng không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.
2. HĐQT có thể yêu cầu Kế toán trưởng bị miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Tổng công ty (nếu có).

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

Tổng công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng trong nội bộ Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 49. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng sẽ do HĐQT quyết định căn cứ theo Điều lệ và các quy định, chính sách liên quan của Tổng công ty.

Chương VII: CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

Điều 50. Các Ủy ban thuộc HĐQT.

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể thành lập các Ủy ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là Ủy ban nhân sự, Ủy ban lương thưởng, Ủy ban kiểm toán và các Ủy ban khác theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.
2. Trường hợp, không thành lập các Ủy ban nhân sự, Ủy ban lương thưởng, Ủy ban kiểm toán và các Ủy ban khác, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động về nhân sự, lương thưởng, kiểm toán hay các hoạt động khác.
3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về lĩnh vực được phân công theo khoản 2 Điều này.



Điều 51. Nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban.

Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của Ủy ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Chương VIII: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc.

Khi Tổng giám đốc, hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác hoặc BKS có đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường hoặc cuộc họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc, những người đề nghị phải gửi văn bản đề nghị cho HĐQT, nêu rõ lý do cần thiết phải triệu tập cuộc họp, kèm theo thông tin, tài liệu liên quan. Trình tự thủ tục tiến hành cuộc họp HĐQT tuân thủ quy định theo các điều từ Điều 19 đến Điều 23 Quy chế này.

Điều 53. Quan hệ công việc giữa HĐQT với BKS.

1. HĐQT tôn trọng quyền của BKS trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Tổng công ty, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. BKS thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của Tổng công ty, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

4. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thông báo và gửi cho BKS.

Điều 54. Quan hệ công việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, thực hiện chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác điều hành hoạt động của Tổng công ty, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. HĐQT thực hiện quyền quản lý, giám sát bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo, thông qua hoạt động giám sát trực tiếp và hoạt động báo cáo của Tổng giám đốc.

2. Trách nhiệm của Tổng giám đốc:

a. Tổng giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong khi thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và



HDQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty, Tổng giám đốc phải báo cáo với HDQT để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu HDQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định trong thẩm quyền của mình thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp Tổng giám đốc có đủ thẩm quyền để triệu tập họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty.

b. Trường hợp xảy ra sự cố bất khả kháng dẫn đến việc Tổng công ty không thể thực hiện được và/hoặc gián đoạn việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm giải trình với HDQT và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các sự cố được coi là bất khả kháng khi là sự cố xảy ra một cách khách quan, ngoài ý muốn, không lường trước được và vượt quá tầm kiểm soát của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

c. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng... báo cáo cho HDQT trong vòng 24 giờ (có thể báo cáo qua điện thoại nhưng sau đó phải báo cáo bằng văn bản) và chịu trách nhiệm trước HDQT, ĐHĐCĐ gần nhất và trước pháp luật.

d. Tổng giám đốc kiến nghị lên HDQT về cơ cấu bộ máy tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ, các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động của Tổng công ty, số lượng và các chức danh cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần thuê để đảm bảo thực hiện hợp lý và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, đạt được các mục tiêu chiến lược của Tổng công ty.

e. Hàng năm, Tổng giám đốc trình HDQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Tổng giám đốc lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan. Báo cáo tài chính hàng năm phải kèm theo kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

g. Tổng giám đốc gửi/sao gửi HDQT, BKS các tài liệu và báo cáo theo các quy chế, quy định liên quan và theo yêu cầu của HDQT.

h. Tổng giám đốc chỉ đạo bộ máy điều hành chuẩn bị dự thảo tài liệu liên quan đến nội dung của các kỳ họp HDQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HDQT.

i. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Quan hệ giữa HDQT và Tổng giám đốc:

a. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng giám đốc. Hàng năm, HDQT có kế hoạch làm việc với các đơn vị thành viên của Tổng công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HDQT.

b. Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc tuyển dụng và duy trì các cán bộ quản lý có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho Tổng công ty và Tổng giám đốc phải đảm bảo rằng các cán bộ quản lý có khả năng quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày để đạt được mục tiêu kế hoạch của Tổng công ty đề ra. Các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn phải được ưu tiên khi Tổng giám đốc lựa chọn các cán bộ quản lý.



c. Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành hoạt động của Tổng công ty theo phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành.

d. Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo HĐQT theo quy định tại khoản 2, Điều 54 của Quy chế này.

e. Các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do Tổng giám đốc chủ trì phải mời thành viên HĐQT tham gia. Thành viên HĐQT có trách nhiệm đóng góp ý kiến, và sau đó các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT thì TGD vẫn phải trình phê duyệt bằng văn bản chính thức.

f. Chủ tịch HĐQT, đại diện của HĐQT hoặc người được ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban hàng quý của bộ máy điều hành Tổng công ty (nếu có).

g. Đối với các cuộc khảo sát trong và ngoài nước, việc đàm phán, ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm của HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thì Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo để Chủ tịch HĐQT dự hoặc cử thành viên tham dự để HĐQT thực hiện việc quản lý, chỉ đạo hoặc tư vấn.

h. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Tổng công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể:

- Những cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Tổng công ty thì Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

- Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách có tính chất trước mắt hoặc điều hành thì Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Chủ tịch HĐQT.

4. Quan hệ giữa HĐQT và bộ máy điều hành:

a. Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi, đến của HĐQT theo quy định hiện hành về công tác văn thư, lưu trữ của Tổng công ty.

b. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác gửi đến Tổng công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

c. Các văn bản, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu tại văn thư phải được quản lý riêng, đồng thời phải có bản lưu tại Thư ký Công ty.

d. HĐQT sử dụng dấu của Tổng công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Tổng công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Tổng công ty.

e. HĐQT sử dụng các ban chức năng và/hoặc các chuyên viên khác trong Tổng công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.



f. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc phải được HĐQT phê chuẩn, HĐQT yêu cầu Tổng giám đốc chỉ đạo các ban chức năng đề xuất và chuẩn bị phương án, tài liệu.

Điều 55. Quan hệ công việc giữa BKS với bộ máy điều hành và các đơn vị khác.

1. Với Ban Tổng giám đốc:

a. Ban Tổng giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS;

b. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của BKS, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

2. Với bộ máy điều hành:

a. Các đơn vị trực thuộc, các ban chức năng trong Tổng công ty phải báo cáo tình hình hoạt động cho BKS thường xuyên hoặc đột xuất theo yêu cầu của BKS;

b. Các đơn vị trực thuộc, các phòng, ban trong Tổng công ty phải trực tiếp hoặc phối hợp với BKS tiến hành kiểm tra công tác quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tổng công ty;

c. BKS sẽ trực tiếp hoặc phối hợp với đoàn thanh tra, đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động tài chính của Tổng công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán của Tổng công ty;

d. Cán bộ, công nhân viên các đơn vị trực thuộc và tại các phòng, ban phải cung cấp tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác kiểm soát cho BKS.

e. Việc cung cấp thông tin, báo cáo, phối hợp kiểm tra của Bộ máy điều hành với BKS trên cơ sở chương trình thống nhất với Tổng giám đốc.

3. Với các đơn vị thành viên và Kiểm soát viên/BKS tại các đơn vị thành viên:

Quan hệ công việc về công tác kiểm tra, giám sát giữa BKS với các đơn vị thành viên và Kiểm soát viên/BKS tại các đơn vị thành viên thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản lý tài chính Tổng công ty, Quy chế người đại diện của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và các quy chế, quy định liên quan khác.

4. Với Kiểm toán độc lập:

a. BKS phối hợp và giám sát hoạt động của Kiểm toán độc lập.

b. BKS rà soát hoạt động của công ty kiểm toán độc lập trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán, đảm bảo tính độc lập trong công tác kiểm toán.

c. Định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá hoạt động của kiểm toán độc lập tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 56. Quản lý và sử dụng dấu.

1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.



2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, văn bản quy phạm nội bộ Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy định về quản lý và sử dụng dấu của Tổng công ty.

Điều 57. Trách nhiệm môi trường và xã hội.

1. HĐQT đảm bảo Tổng công ty có các chính sách và quy trình quản trị thích hợp liên quan tới các hoạt động xã hội và môi trường gắn với chiến lược Tổng công ty và sự thành công ổn định lâu dài; và đảm bảo quản lý chất lượng của các thông tin công bố về trách nhiệm xã hội và môi trường.

2. HĐQT đảm bảo các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và môi trường này đều được áp dụng đối với các nhà cung cấp.

Điều 58. Các báo cáo ẩn danh.

HĐQT xây dựng các quy chế nội bộ quy định về việc tiếp nhận, giải đáp và xử lý các câu hỏi hoặc thắc mắc của người lao động, hoặc tiếp nhận xử lý những ý kiến, khiếu nại của khách hàng hay các đối tượng khác. Các thông báo như vậy có thể bảo mật hoặc ẩn danh, hoặc bằng email, bằng thư hoặc báo cáo bằng điện thoại tới số điện thoại tổng đài hoặc địa chỉ/email được thông báo trên website Tổng công ty. Tổng công ty nghiêm cấm bất kỳ thành viên HĐQT nào hay nhân viên trả thù hoặc làm các hành động có hại tới người nêu ra vấn đề hoặc người giúp giải quyết vấn đề một cách triệt để.

Chương IX: MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

Tổng công ty duy trì khung kiểm soát hiệu quả đảm bảo tính ổn định trong các hoạt động và đưa đến sự đảm bảo cho cổ đông và các bên có lợi ích liên quan.

Điều 59. Quản lý rủi ro.

Tổng công ty hiểu rõ tầm quan trọng của Quản lý rủi ro và đảm bảo thiết lập hệ thống Quản lý rủi ro hiệu quả. Theo đó, nhiệm vụ HĐQT bao gồm, nhưng không giới hạn các nội dung:

1. Phê duyệt Quy chế quản trị rủi ro, tuyên ngôn về khẩu vị rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro, thước đo rủi ro và chiến lược quản trị rủi ro;
2. Phân tích, đánh giá và cải tiến chính sách quản trị rủi ro nội bộ;
3. Phát triển các chương trình đào tạo liên tục, phát triển văn hóa quản trị rủi ro tới ban điều hành, các đơn vị và toàn thể nhân viên để nâng cao nhận thức;
4. Thành lập Ủy ban Kiểm toán và Quản lý rủi ro thuộc HĐQT;
5. Đảm bảo rằng Tổng công ty tuân thủ pháp luật, các quy chế, chính sách và thủ tục nội bộ liên quan tới quản trị rủi ro.

Điều 60. Kiểm soát nội bộ.

1. Tổng công ty hiểu rõ tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ và đảm bảo thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả và có sự tích hợp thống nhất giữa chiến lược, rủi ro và kiểm soát. Hệ thống Kiểm soát nội bộ được áp dụng trong phạm vi toàn



Tổng công ty, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tổng công ty trong việc đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

2. Các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm:

- a. Môi trường kiểm soát;
- b. Quy trình đánh giá rủi ro;
- c. Hoạt động kiểm soát;
- d. Hệ thống báo cáo và công bố thông tin; và
- e. Cơ chế, hoạt động giám sát.

3. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty phải được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a. Hoạt động kiểm soát nội bộ phải được thiết lập, duy trì đối với mọi hoạt động của Tổng công ty, trong đó tăng cường kiểm soát đối với các hoạt động, chức năng có rủi ro cao.

b. Lãnh đạo các cấp của Tổng công ty đều phải nhận dạng, đánh giá rủi ro trong hoạt động để có biện pháp kiểm soát rủi ro, quản lý rủi ro thích hợp.

c. Hoạt động kiểm soát nội bộ gắn liền với các hoạt động hàng ngày của Tổng công ty; cơ chế kiểm soát nội bộ được quy định và tổ chức thực hiện ngay trong quy trình nghiệp vụ dưới nhiều hình thức như:

- Cơ chế phân cấp ủy quyền được thiết lập và thực hiện một cách hợp lý, phân công nhiệm vụ phải rõ ràng, minh bạch; đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích, đảm bảo một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chồng chéo với nhau; đảm bảo không có điều kiện để thao túng hoạt động, che giấu thông tin phục vụ các mục đích cá nhân hoặc che giấu các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và các quy chế, cơ chế, quy trình và quy định nội bộ có liên quan.

- Cơ chế kiểm tra, giám sát giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình thực hiện hoạt động, quy trình nghiệp vụ.

- Tuân thủ nguyên tắc kiểm soát kép: có ít nhất hai người thực hiện công việc và kiểm tra đối với mỗi công việc nhằm đảm bảo an toàn tài sản và hiệu quả công tác, trừ trường hợp có quy định pháp lý khác.

Điều 60. Kiểm toán nội bộ (KTNB).

1. Tổng công ty thiết lập chức năng kiểm toán nội bộ để đảm bảo tính khách quan và tư vấn các công việc cần thực hiện cho HĐQT liên quan tới tính hiệu quả và hiệu suất của hệ thống quản trị công ty, khung quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ.

2. Kiểm toán viên nội bộ phải là những người thích hợp và phù hợp theo yêu cầu của quy định về kiểm toán và các quy định khác, và báo cáo chuyên môn cho HĐQT/Ủy ban Kiểm toán và báo cáo các nội dung hành chính cho Ban điều hành cấp cao.

3. Kiểm toán nội bộ phối hợp hoạt động với BKS để hỗ trợ việc bảo đảm một môi trường kiểm soát hiệu quả. Quyền hạn, cơ cấu, quy trình làm việc và các vấn đề liên quan của KTNB được quy định trong Quy chế KTNB của Tổng công ty.



Điều 62. Tuân thủ.

Tổng công ty thiết lập bộ phận kiểm soát tuân thủ chủ động đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và các quy định bên ngoài cũng như các quy chế và quy trình nội bộ. Kiểm soát tuân thủ sẽ kiểm soát các hoạt động của Tổng công ty và nhân viên đảm bảo rằng họ tuân thủ và báo cáo định kỳ cho HĐQT và Ban điều hành.

Điều 63. Kiểm toán độc lập.

Tổng công ty thuê công ty kiểm toán độc lập, được công nhận rộng rãi, hoàn toàn độc lập với Tổng công ty, Ban điều hành Tổng công ty và các cổ đông lớn. Kiểm toán độc lập được lựa chọn trong cuộc họp Hội đồng cổ đông hàng năm theo đề xuất của BKS. HĐQT/BKS xây dựng tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, quy trình đánh giá tính độc lập và hiệu quả của Kiểm toán độc lập và quy trình theo dõi đánh giá việc thực hiện khuyến nghị của Kiểm toán độc lập

Chương X: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH

Điều 64. Nghĩa vụ công bố thông tin.

1. Tổng công ty công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Ngoài ra, Tổng công ty công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng.

Điều 65. Chính sách và thông lệ của việc công bố thông tin.

1. HĐQT thiết lập chính sách và Quy trình công bố thông tin và công bố các tài liệu này trên website của Tổng công ty. Chính sách của Tổng công ty là công bố các thông tin trọng yếu, bao gồm báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, cơ cấu sở hữu và cơ cấu quản trị công ty tới các cổ đông nói riêng và công chúng nói chung một cách chính xác, bao gồm:

a. Thông tin tài chính:

Tổng công ty hạch toán và chuẩn bị báo cáo các kết quả tài chính và tình hình hoạt động, hoạt động mua lại doanh nghiệp hay việc chuyển nhượng tài sản có giá trị, thù lao của HĐQT và Ban điều hành, và các thông tin tài chính khác theo yêu cầu của Luật và các quy định.

b. Các thông tin phi tài chính:

Tổng công ty công bố các thông tin phi tài chính quan trọng như: Chính sách Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ, công bố các thông tin định tính và định lượng về rủi ro; tóm tắt các hoạt động của Ban điều hành, bao gồm các chú thích, diễn giải hợp lý; tình hình thặng dư/thâm hụt vốn, chính sách quản trị và điều hành; Thành phần và cấu trúc của HĐQT và các thông tin chức năng liên quan; Các giao dịch với các bên liên



quan; Trách nhiệm với môi trường và xã hội; Các thông tin phi tài chính khác và các quyết định của HĐQT.

c. Cơ cấu chủ sở hữu:

Tổng công ty đảm bảo công bố thông tin về các cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn có quyền biểu quyết. Các quan hệ của Tổng công ty trong trường hợp các Công ty cùng tập đoàn cũng được xác định rõ và công bố thông tin ra công chúng. Các thay đổi trọng yếu về cơ cấu chủ sở hữu, mua thôn tính (Nỗ lực nhằm mua đủ cổ phiếu để có quyền biểu quyết một Công ty khác), các thu xếp cổ đông, mua bán - sáp nhập, chia tách, gộp cổ phiếu, hoặc các giao dịch sở hữu khác.

2. Tổng công ty công bố thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian về mọi vấn đề hay sự kiện quan trọng xảy ra, có thể tác động bất lợi tới lợi ích của cổ đông. Hệ thống công bố thông tin cần đảm bảo việc truy cập công bằng giữa các cổ đông chính, các nhà đầu tư và các cổ đông khác và không cho phép việc lạm dụng thông tin hay giao dịch nội gián.

Điều 65. Báo cáo thường niên và Website.

1. HĐQT đảm bảo việc truy cập dễ dàng và không phân biệt giữa các nhóm cổ đông đối với các thông tin được công bố thông qua các công cụ truyền thông khác nhau.

2. Tổng công ty phát hành báo cáo thường niên đầy đủ bao gồm một phần về quản trị công ty, tình hình thực hiện quản trị công ty, lịch sử kiện doanh nghiệp và các thông tin quan trọng khác trên website đúng thời gian quy định.

Điều 66. Công bố thông tin theo Quy định pháp lý và Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam.

Báo cáo thường niên hoặc Báo cáo quản trị công ty được công bố trên website, Tổng công ty thường xuyên công bố thông tin theo các quy định pháp lý và hướng tới thông lệ tốt nhất theo nội dung Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty của Việt Nam và quy trình thực hiện, trong đó có:

1. Thông tin về mô hình tổ chức quản lý Tổng công ty;
2. Thông tin về quản trị công ty;
3. Thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc và người điều hành;
4. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty.

Điều 68. Tổ chức công bố thông tin.

1. Tổng công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Tổng công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Tổng công ty phân công cán bộ phụ trách công bố thông tin. Cán bộ phụ trách công bố thông tin có trách nhiệm:

- a. Công bố thông tin của Tổng công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.



Điều 69. Bảo mật thông tin.

Trừ khi quy định bởi pháp luật, không thành viên HĐQT hay nhân viên nào, trong thời gian làm việc tại Tổng công ty và sau đó, tiết lộ bất kỳ thông tin bảo mật nào liên quan tới kinh doanh của Tổng công ty hay bất kỳ công ty nào mà thành viên/nhân viên đó biết công ty mình đang nắm cổ phần. Thành viên HĐQT không được sử dụng các thông tin mật đó cho lợi ích cá nhân.

Chương XI: CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 70. Cơ chế đánh giá hoạt động quản trị công ty, khen thưởng và kỷ luật.

1. HĐQT xây dựng và ban hành cơ chế đánh giá hoạt động quản trị công ty áp dụng đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Tổng giám đốc xây dựng và ban hành cơ chế đánh giá hoạt động quản trị công ty áp dụng đối với các cán bộ quản lý khác.

2. Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật áp dụng đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được thực hiện theo quy định của Tổng công ty và các văn bản có liên quan của nhà nước.

Chương XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Vi phạm và xử lý các vi phạm.

1. HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

2. Đơn vị hoặc cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị thi hành kỷ luật với các hình thức tương xứng theo quy định hiện hành của Tổng công ty.

Điều 72. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Điều 73. Điều khoản thi hành.

Quy chế này gồm 12 chương và 73 điều, có hiệu lực kể từ ngày .../.../2025 các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, BKS, các ban đơn vị trực thuộc và các đơn vị thành viên Tổng công ty có trách nhiệm triển khai và thực hiện Quy chế này./.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
DẦU KHÍ CÀ MAU

Mã số: 2025 - ĐHĐCĐ - QC - HĐQT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-PVCFC ngày / /2025
của Hội đồng quản trị)*

- 2025 -



MỤC LỤC

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	2

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT.....	3
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT.....	5
Điều 6. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT.	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT.	6
Điều 8. Chủ tịch HĐQT.	7
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên HĐQT.	7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT.....	8
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT.....	9

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT.....	9
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 14. Trách nhiệm HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.	12
Điều 15. Các Ủy ban và bộ phận trực thuộc HĐQT.	13
Điều 16. Chế độ thông tin báo cáo.....	13
Điều 17. Đánh giá, đào tạo và quy hoạch đội ngũ kế cận.....	13

Chương IV **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 18. Cuộc họp HĐQT.	15
Điều 19. Biên bản họp HĐQT.....	18
Điều 20. Quy định về lấy ý kiến bằng văn bản của Thành viên HĐQT.....	19

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm.	19
Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT.	20
Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan.	20

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 24. Mối quan hệ giữa các Thành viên HĐQT.	21
Điều 25. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc.....	21
Điều 26. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát.....	22

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Hiệu lực thi hành.	22
Phụ lục:.....	23
QUY ĐỊNH LẤY Ý KIẾN BIỂU QUYẾT	23
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN	23

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, nguyên tắc phối hợp, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các thông lệ quản trị quốc tế tốt.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân, ban, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. “Ban Tổng giám đốc” bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc.
2. “Đa số” là trên 50%.
3. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
4. “Điều lệ” là Điều lệ Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
5. “Đơn vị trực thuộc” là tên gọi chung của các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.
6. “Đơn vị thành viên của Tổng công ty”: là các doanh nghiệp mà Tổng công ty có cổ phần, vốn góp hoặc giữ quyền chi phối.
7. “Ban”: là tên gọi chung của Văn phòng, ban chức năng của Tổng công ty.
8. “Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên”: là người được Tổng công ty cử tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.
9. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
10. “Ngày” là ngày tính theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (như thứ bảy, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).
11. “Ngày làm việc” là ngày không bao gồm những ngày nghỉ.
12. “Luật Doanh nghiệp”: Là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020.
13. “Luật Chứng khoán”: Là Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.
14. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
15. “Người quản lý doanh nghiệp” bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
16. “Tổng công ty” là Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.



17. “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.

18. “Thư ký Công ty” là người được HĐQT bổ nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các Luật liên quan.

19. “Người phụ trách quản trị công ty” là người được HĐQT bổ nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các Luật liên quan.

20. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này được định nghĩa theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về thực hiện nhiệm vụ được phân công, đồng thời tất cả cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. HĐQT và các Thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Tổng công ty quy định; giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công; đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, Nhà nước, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Tổng công ty.

3. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

4. Dấu của Tổng công ty được sử dụng để đóng trên các văn bản do HĐQT ban hành.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT.

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty.

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.



d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT cần phải hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ và trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, miễn cưỡng, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Tổng công ty.

a. Thành viên HĐQT cần phải thực hiện trách nhiệm một cách có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và tất cả cổ đông, tránh tất cả các xung đột lợi ích phát sinh thực tế và tiềm tàng.

b. Thành viên HĐQT cần phải áp dụng mức độ cẩn trọng tối đa trong khi thực hiện trách nhiệm theo chuẩn mực được kỳ vọng đối với một thành viên HĐQT tốt trong những tình huống và hoàn cảnh tương tự.

c. Thành viên HĐQT cần phải hiểu biết đầy đủ về vai trò và trách nhiệm của mình trong HĐQT theo quy định của luật pháp và chính sách Tổng công ty và góp phần vào việc HĐQT thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.

d. Thành viên HĐQT cần phải tự trang bị cho mình các kiến thức phù hợp về quản trị công ty và các yêu cầu về đạo đức, bảo đảm Tổng công ty liên tục hành động trên cơ sở tuân thủ các chính sách về quản trị tốt và đạo đức ứng xử.

e. Thành viên HĐQT cần phải chủ động tham gia giám sát hoạt động của Tổng công ty, tham gia thảo luận và có nỗ lực phù hợp để có được thông tin liên quan đến các vấn đề được thảo luận. Thành viên HĐQT nên xem trước tất cả các tài liệu được cung cấp trước cuộc họp HĐQT để sẵn sàng đóng góp cho cuộc họp HĐQT.

f. Mỗi thành viên HĐQT cần phải có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của Tổng công ty trong năm.

g. Trong quá trình làm việc trong HĐQT hoặc sau đó, ngoại trừ luật pháp có quy định, thành viên HĐQT không được tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào mà Thành viên đó biết được trong quá trình làm việc. Thành viên HĐQT không được phép sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân.

h. Nếu thành viên HĐQT từ nhiệm hoặc không thể hoàn thành nhiệm vụ, HĐQT cần phải thực hiện ngay các bước cần thiết để bảo đảm có sự thay thế trong HĐQT theo các hướng dẫn về thông lệ tốt nhất, và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

4. Thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập có thể lập chung một báo cáo, nhưng phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên.



Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT.

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 6. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT.

Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được quy định tại Điều 25 Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể như sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT là từ năm (05) đến bảy (07) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và (hoặc) không cư trú tại Việt Nam.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) nhưng số thành viên Hội đồng quản trị vẫn đảm bảo theo quy định thì Hội đồng quản trị có thể phân công lại công việc trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại và tiến hành lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất cho trường hợp từ chức đó và công bố thông tin theo quy định. Trong thời gian chờ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị đã có đơn từ chức sẽ không được thực hiện các quyền và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

5. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

a. Cơ cấu HĐQT của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tối thiểu một (01) người nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, tối thiểu là hai (02) người nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến bảy (07) người;

6. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;

7. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



8. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;
- c. Thành viên HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
- d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty mẹ.

2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT.

Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty. Cụ thể như sau:

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Tổ chức đánh giá hiệu quả của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của HĐQT ít nhất mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - g. Thay mặt Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản khác do Hội đồng quản trị phân công;
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong thời gian không có Chủ tịch HĐQT, các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời kể từ ngày theo biên bản cuộc họp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của HĐQT.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT kể từ ngày theo biên bản cuộc họp theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của HĐQT.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên HĐQT.

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm Thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:



a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT.

b. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thành viên HĐQT.

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế Thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung Thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số Thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).

b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu Thành viên mới thay thế Thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

b. Căn cứ số lượng Thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.



3. Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Tổng công ty khác).
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty.
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.
- g. Công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT.

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ



thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty.

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty.

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng/giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, ngoại trừ hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý của Tổng công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác (công ty con, công ty liên kết), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty.

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

m. Quyết định chính sách lao động, tiền lương, tiền thưởng (bao gồm cả khoản chi thưởng an toàn) và các chế độ phúc lợi khác của người lao động Tổng công ty.



n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết.

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ.

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty.

r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng công ty;

s. Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính, tính tuân thủ với các quy định của pháp luật liên quan, tình hình thực hiện, trình độ chuyên môn, tính độc lập của kiểm toán độc lập và tình hình thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

u. Thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

3. HĐQT thông qua Nghị quyết/Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các Thành viên tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết/Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; Thành viên phản đối thông qua Nghị quyết/Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết/Quyết định nói trên.

5. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.



b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ.

c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người quản lý doanh nghiệp ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

b. Số lượng Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng Thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng Thành viên HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

- Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

- Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát.

- Xác định thời gian và địa điểm họp.



- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp.
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các Ủy ban và bộ phận trực thuộc HĐQT.

1. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về các lĩnh vực chuyên môn như chiến lược, quản trị, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán, quản lý rủi ro, phát triển bền vững.... Số lượng thành viên của Ủy ban do HĐQT quyết định, có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Thành viên của các Ủy ban phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên HĐQT độc lập. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán phải bao gồm nghĩa vụ giám sát, đánh giá chất lượng của quy trình lập báo cáo tài chính.

Hoạt động của các Ủy ban phải tuân thủ theo quy chế hoạt động do HĐQT phê duyệt. Các Ủy ban thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác qui định trong quy chế hoạt động của mỗi Ủy ban. Mỗi thành viên Ủy ban có một phiếu biểu quyết, quyết định của Ủy ban được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban đó.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Ủy ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 16. Chế độ thông tin báo cáo.

1. Các văn bản của Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước, chứng khoán, thông tin đại chúng cũng cần sao gửi đồng thời cho HĐQT và Ban kiểm soát qua hệ thống công văn điện tử của Tổng công ty.

2. Để thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công, Thành viên HĐQT có thể đề nghị Tổng giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Lãnh đạo Ban/Đơn vị trực thuộc, Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết.

3. Tất cả các báo cáo chính thức gửi HĐQT được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Tổng công ty.

Điều 17. Đánh giá, đào tạo và quy hoạch đội ngũ kế cận.

Hàng năm, HĐQT đánh giá hoạt động của HĐQT kết hợp với đánh giá từng thành viên HĐQT, ban điều hành và các Ủy ban/tiểu ban trực thuộc HĐQT.

1. Tiêu chí đánh giá dựa trên hiệu quả hoạt động được thể hiện qua các khía cạnh:
 - Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác.
 - Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập, điều hành, không điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT.
 - Số cuộc họp, chất lượng cuộc họp và khả năng giải quyết vấn đề của HĐQT, của các Ủy ban trực thuộc và các nội dung đề ra trong từng cuộc họp.
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra.



- Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin, công bố thông tin.
- HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản lý.
- Xây dựng chính sách thù lao, lương thưởng cho HĐQT.
- Các chính sách mới được phát triển và ban hành.
- Các tiêu chí khác (nếu có).

2. Hình thức đánh giá dựa trên các yếu tố:

- Khả năng tự lãnh đạo và kết quả hoạt động.
- Sự kết hợp kiến thức, kinh nghiệm, đặc tính đa dạng của các thành viên trong HĐQT.
- Sự năng động.
- Quy trình/ cách thức hoạt động.

3. Thời gian tiến hành đánh giá:

Việc đánh giá được thực hiện trong quý IV hằng năm tại phiên họp tổng kết của HĐQT. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Tổng công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật. HĐQT. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Tổng công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.

4. Đào tạo và tập huấn:

a. Tổng công ty tổ chức thực hiện chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới được bổ nhiệm tổng quan về Tổng công ty, về tình hình kinh doanh của Tổng công ty và các chủ đề khác mà có thể giúp các thành viên thực hiện trách nhiệm của mình. Tổng công ty cũng xây dựng và cung cấp các chương trình đào tạo liên tục cho các thành viên HĐQT. HĐQT xác định các nhu cầu đào tạo cho thành viên HĐQT hàng năm và sau đó quyết định, dựa trên ngân sách HĐQT, chương trình đào tạo mỗi năm.

b. Tất cả thành viên HĐQT tham gia ít nhất 01 chương trình đào tạo quản trị công ty được tổ chức bởi tổ chức chuyên nghiệp để đảm bảo các thành viên hiểu các nguyên tắc chính của quản trị công ty và cập nhật hàng năm với xu thế và yêu cầu về quản trị mới nhất.

c. Tổng công ty công bố tại mục quản trị công ty trong báo cáo thường niên về chính sách và thực tế triển khai chương trình phát triển và đào tạo chuyên môn cho thành viên HĐQT (định hướng và thường xuyên).

d. Căn cứ vào kết quả đánh giá, chương trình tập huấn, đào tạo được xây dựng để phát triển kiến thức và kỹ năng, tập trung cho các lĩnh vực sau:

- Phát triển kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp, đồng thời nhận thức rõ hơn các vấn đề liên quan.
- Tiếp cận kiến thức cập nhật về quản trị công ty và các vấn đề khác. Có cơ hội thảo luận các vấn đề cùng đồng nghiệp và người hướng dẫn.
- Nâng cao nhận thức về các vấn đề đạo đức và giá trị nền tảng của việc quản trị công ty hiệu quả.
- Các khóa học hiệu quả giúp mỗi cá nhân hoàn nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.



5. Quy hoạch kế cận:

- HĐQT có trách nhiệm bảo đảm và thông qua một chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả cho các vị trí thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc chủ chốt để bảo đảm tăng trưởng và gia tăng liên tục giá trị của cổ đông.
- Quy hoạch kế cận gắn liền với việc những vai trò và trách nhiệm được quy định bằng văn bản đối với từng vị trí và bắt đầu bằng cách xác định kiến thức và năng lực cần phải có cho vị trí đó. Đối với mỗi ứng cử viên tiềm năng đã xác định, cần phải có kế hoạch phát triển chuyên môn để giúp cá nhân đó chuẩn bị tốt cho công việc (đào tạo, chia sẻ và tích lũy kinh nghiệm).
- Quy hoạch kế cận không chỉ dừng lại ở việc đưa ra tên của các nhà lãnh đạo tiềm năng, mà cần phải xác định kế hoạch để phát triển nguồn lực lãnh đạo của Tổng công ty. HĐQT cần định kỳ cập nhật quy hoạch này.

Chương IV **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 18. Cuộc họp HĐQT.

Các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Tổng công ty và từ Điều 19 đến Điều 23 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cụ thể như sau:

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Đối với việc rà soát tình hình thực hiện chiến lược và quản trị rủi ro, HĐQT họp định kỳ 06 tháng một lần.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.



6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình nghị sự, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, đồng thời phải gửi thông báo mời họp theo quy định tại khoản 6 Điều này. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.



13. Cuộc họp HĐQT có thể được tổ chức theo hình thức họp truyền thống, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trên. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

14. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết HĐQT, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của tòa án, trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

15. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp của HĐQT:

a. Chuẩn bị cuộc họp:

- Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Tổng công ty, chuẩn bị ý kiến về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

- Thư ký Công ty và bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập họp và gửi tài liệu.

- Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

b. Trình tự tiến hành cuộc họp:

- Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp thông báo thành phần, nội dung, chương trình nghị sự cuộc họp.

- Người được phân công báo cáo tại cuộc họp thuyết trình về các nội dung và kiến nghị đề HĐQT xem xét, quyết định.

- Các thành viên thảo luận, xem xét các vấn đề theo tài liệu, báo cáo và thuyết trình tại cuộc họp.

- Người chủ trì cuộc họp kết luận và lấy biểu quyết thông qua từng vấn đề thảo luận và nội dung nghị quyết của cuộc họp.

- Thông qua Nghị quyết, Biên bản cuộc họp.

- Các thành viên HĐQT, Thư ký Công ty ký tên vào Biên bản cuộc họp.

c. Gửi ý kiến biểu quyết và ủy quyền tham dự cuộc họp:

- Thành viên HĐQT vắng mặt có quyền biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Văn bản ý kiến phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những thành viên HĐQT dự họp.



- Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp, không gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản mà ủy quyền cho người khác dự họp thì phải có văn bản ủy quyền nêu rõ nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền tham dự và biểu quyết và cam kết thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về ý kiến biểu quyết của người được ủy quyền.

- Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp của HĐQT và biểu quyết các vấn đề tối đa 2 lần/năm trong trường hợp ốm đau, bệnh tật không thể tham dự hoặc trường hợp bất khả kháng.

16. Hợp truyền thông, hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác:

a. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức qua hợp truyền thông, hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác hoặc kết hợp giữa nhiều hình thức khi tất cả hoặc một số thành viên dự họp đang có mặt tại những địa điểm khác nhau và với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
- Trình bày, trao đổi trực tiếp được với tất cả các thành viên tham dự về ý kiến của mình.

b. Mỗi thành viên HĐQT tham gia cuộc họp theo phương thức nêu trên được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp có mặt sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

c. Các nghị quyết được thông qua trong cuộc họp truyền thông, hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác hợp lệ khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này trong biên bản.

Điều 19. Biên bản họp HĐQT.

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Thời gian, địa điểm họp.
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- d. Họ, tên từng Thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các Thành viên không dự họp và lý do.
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng Thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.



h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Quy định về lấy ý kiến bằng văn bản của Thành viên HĐQT

Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm xem xét nội dung, các tài liệu liên quan và quyết định việc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Nghị quyết/Quyết định được HĐQT thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản của Thành viên HĐQT cụ thể tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm.

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty.
- b. Báo cáo tài chính.
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty.
- d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.



3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT.

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho Thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương, thù lao công việc và tiền thưởng. Lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên HĐQT có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan.

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:



a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số Thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quan hệ giữa các Thành viên HĐQT; và HĐQT với Tổng giám đốc, cổ đông, Ban kiểm soát, Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác dựa trên các quy định liên quan của pháp luật, Điều lệ, văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty và các quy định của Chương này.

Điều 24. Mối quan hệ giữa các Thành viên HĐQT.

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, Thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các Thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các Thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc.

1. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các Nghị quyết/Quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định.



2. HĐQT tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc tổ chức thực thi các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích các báo cáo, xin ý kiến, đề xuất của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, trình HĐQT xem xét, quyết định theo phân cấp thẩm quyền.

Điều 26. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát.

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau và tuân thủ các quy định luật pháp trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau gồm 7 Chương 27 Điều, có hiệu lực kể từ ngày / /2025.

2. Ngôn ngữ sử dụng trong quy chế này cũng như thảo luận, giao tiếp tại cuộc họp và trong các biên bản cuộc họp là tiếng Việt. Người tham dự cuộc họp có trách nhiệm tự thuê phiên/biên dịch nếu cần. Trường hợp Tổng công ty có thêm phiên bản bằng tiếng nước ngoài, nếu có sự sai lệch giữa phiên bản tiếng Việt và phiên bản tiếng nước ngoài thì phiên bản tiếng Việt được áp dụng.

3. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT thì thứ tự ưu tiên áp dụng sẽ là: Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và sau cùng là Quy chế hoạt động của HĐQT.

4. Quy chế hoạt động của HĐQT được sửa đổi định kỳ hàng năm (nếu cần). Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.



Phụ lục:
QUY ĐỊNH LẤY Ý KIẾN BIỂU QUYẾT
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN

I. NGUYÊN TẮC CHUNG:

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm xem xét nội dung trình, các tài liệu liên quan và quyết định việc lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo Nghị quyết/Quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các Thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;
- b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân;
- c. Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- d. Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Tổng công ty;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về Tổng công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về Tổng công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng quản trị và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Mục đích, nội dung lấy ý kiến;
- b. Họ, tên của thành viên đã gửi lại phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên của thành viên mà Tổng công ty không nhận lại được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi lại phiếu lấy ý kiến nhưng không hợp lệ;
- c. Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có);
- d. Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
- e. Nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.



II. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN:

- Bước 1: Khi có các vấn đề/nội dung phát sinh trình HĐQT ngoài các phiên họp định kỳ, VP HĐQT tiếp nhận và thực hiện gửi thông tin, tài liệu liên quan cho HĐQT.

- Bước 2: Chủ tịch HĐQT xem xét nội dung trình, các tài liệu liên quan và quyết định thực hiện việc lấy ý kiến biểu quyết của các Thành viên HĐQT bằng văn bản.

Chủ tịch HĐQT tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình, văn bản giải trình về nội dung cần quyết định, dự thảo Nghị quyết/Quyết định và ký Phiếu lấy ý kiến gửi các Thành viên HĐQT (BM01.PLYK).

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo, Thành viên HĐQT có trách nhiệm gửi Phiếu biểu quyết (BM02.PBQ) của mình trong đó ghi rõ ý kiến biểu quyết: Tán thành; không tán thành; không có ý kiến và các thông tin bổ sung khác đối với từng vấn đề được lấy ý kiến, ký tên lên phiếu và gửi về VP HĐQT.

- Bước 5: Thư ký Công ty cùng với Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tổng hợp ý kiến biểu quyết vào Biên bản tổng hợp ý kiến (BM03.BBTHYK) và ký tên vào biên bản.

- Bước 6: Căn cứ kết quả biểu quyết, VP HĐQT triển khai trình Chủ tịch HĐQT hoặc Thành viên HĐQT được phân công ký Nghị quyết (BM04.NQHĐQT)/Quyết định (BM05.QĐHĐQT).

- Bước 7: Văn thư Tổng công ty thực hiện ban hành văn bản. Biên bản tổng hợp ý kiến và Nghị quyết/Quyết định được gửi đến các Thành viên HĐQT ngay sau khi được ban hành.

- Bước 8: VP HĐQT thực hiện lưu trữ Phiếu lấy ý kiến/Phiếu biểu quyết đã được ký tên, Biên bản tổng hợp ý kiến, Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan tại trụ sở chính của Tổng công ty theo quy định.

III. VAI TRÒ TRÁCH NHIỆM:

Stt	Hoạt động	Chủ thể có liên quan		
		Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT	VP HĐQT/ TK Công ty
1.	Tiếp nhận, rà soát tính đầy đủ và pháp lý của văn bản trình	I	I	R
2.	Xem xét và chỉ đạo thực hiện lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản	A	C	I
3.	Triển khai Phiếu lấy ý kiến/Phiếu biểu quyết bằng văn bản gửi Thành viên HĐQT	A		R
4.	Biên bản tổng hợp ý kiến biểu quyết	I	I	R
5.	Ban hành Nghị quyết/Quyết định	A		R



Ghi chú: A - Phê duyệt; I - Nhận thông tin; R - Thực hiện; C: Tham vấn.

IV. BIỂU MẪU:

Stt	Tên biểu mẫu	Mã số	Đơn vị lưu	Bản gốc/Bản sao
1.	Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT	BM01.PLYK	VP HĐQT	Bản gốc/ điện tử
2.	Phiếu biểu quyết của Thành viên HĐQT	BM02.PBQ	VP HĐQT	Bản gốc/ điện tử
3.	Biên bản tổng hợp ý kiến biểu quyết bằng văn bản	BM03.BBTHYK	VP HĐQT	Bản gốc/ điện tử
4.	Biểu mẫu Nghị quyết của HĐQT	BM04.NQHĐQT	VT/VP HĐQT	Bản gốc/ điện tử
5.	Biểu mẫu Quyết định của HĐQT	BM05.QĐHĐQT	VT/VP HĐQT	Bản gốc/ điện tử



CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PLYK-HĐQT

Cà Mau, ngày tháng năm

PHIẾU LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên Tổng công ty: Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu Khí Cà Mau.
- Mã số doanh nghiệp: 2001012298.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô D Khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

II. Thông tin người được lấy ý kiến:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ liên lạc	Quốc tịch	Số giấy tờ pháp lý cá nhân
				
				

III. Vấn đề cần lấy ý kiến TV HĐQT:

1/.....

2/.....

Tài liệu:

IV. Thời hạn cuối cùng gửi Phiếu biểu quyết:

Đính kèm: Biểu mẫu Phiếu biểu quyết của các Thành viên HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PBQ-HĐQT

Cà Mau, ngày tháng năm

PHIẾU BIỂU QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên Tổng công ty: Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu Khí Cà Mau.
2. Mã số doanh nghiệp: 2001012298.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô D Khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

II. Thông tin người được lấy ý kiến:

1. Họ và tên:
2. Chức vụ:

III. Thời hạn gửi Phiếu:

IV. Vấn đề lấy ý kiến:

- 1/
 - 2/
- (Tài liệu kèm theo:)

V. Phương án biểu quyết của TV HĐQT:

- 1/
- Tán thành: ☐
- Không tán thành: ☐
- Không có ý kiến: ☐
- Thông tin bổ sung khác:
- 2/
- Tán thành: ☐
- Không tán thành: ☐
- Không có ý kiến: ☐
- Thông tin bổ sung khác:

THÀNH VIÊN HĐQT



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BBTH-HĐQT

Cà Mau, ngày tháng năm

BIÊN BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN BIỂU QUYẾT BẰNG VĂN BẢN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên Tổng công ty: Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu Khí Cà Mau
2. Mã số doanh nghiệp: 2001012298
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô D Khu công nghiệp phường 1, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

II. Mục đích nội dung lấy ý kiến:

- 1/
- 2/

III. Thành phần lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản:

Stt	Họ và tên	Thời gian gửi phiếu biểu quyết hợp lệ	Thời gian gửi phiếu biểu quyết không hợp lệ	Không gửi phiếu biểu quyết
				
				

IV. Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết:

- 1/
- 2/

3/ Tóm tắt ý kiến của TV HĐQT về từng vấn đề (nếu có):

V. Biểu quyết:

- 1/
- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: / phiếu.
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: / phiếu.
- Tổng số phiếu biểu quyết không nhận được: / phiếu.
- Tổng số phiếu hợp lệ tán thành: / phiếu; Tỷ lệ: %.
- Tổng số phiếu không tán thành: / phiếu; Tỷ lệ: %.



- Tổng số phiếu không có ý kiến: / phiếu; Tỷ lệ:%.
- 2/
- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: / phiếu.
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: / phiếu.
- Tổng số phiếu biểu quyết không nhận được: / phiếu.
- Tổng số phiếu hợp lệ tán thành: / phiếu; Tỷ lệ:%.
- Tổng số phiếu không tán thành: / phiếu; Tỷ lệ:%.
- Tổng số phiếu không có ý kiến: / phiếu; Tỷ lệ:%.

VI. Kết luận và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

-
-

**NGƯỜI KIỂM PHIẾU
THƯ KÝ CÔNG TY**

CHỦ TỊCH HĐQT



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 QUỐC GIA VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
 PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-PVCFC

Cà Mau, ngày tháng năm 20...

NGHỊ QUYẾT

Về việc (1)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ (2)

Xét đề nghị của

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. (3)

.....

Điều 2.

.....

Điều 3./.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- Lưu: VT, ..(5). A.XX(6).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH (4)**

(chữ ký, dấu)

(chữ ký nháy)

Họ và tên

(chữ ký nháy)



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-PVCFC

Cà Mau, ngày tháng năm 20..

QUYẾT ĐỊNH

Về việc (1)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ (2)

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. (3)

.....

Điều 2.

.....

Điều 3./.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- Lưu: VT, ...(5). A.XX(6).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH (4)**

(chữ ký, dấu)

(chữ ký nháy)

(chữ ký nháy)

Họ và tên



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Mã số: 2025 - ĐHĐCĐ - QC - BKS

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-PVCFC ngày / /2025
của Ban Kiểm soát)*

--- 2025 ---



MỤC LỤC:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	2
Điều 3. Giải thích các từ viết tắt.....	2
Điều 4. Tài liệu tham khảo	2

CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	3
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và Điều kiện Kiểm soát viên.....	3
Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	4
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	5
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	5
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	5

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	8

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát	9
Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	9

CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm	10
Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác	10
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	11

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên	11
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc	11
Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
Điều 24. Mối quan hệ với Ban kiểm toán nội bộ	12
Điều 25. Mối quan hệ với các đơn vị, bộ phận Điều hành, tác nghiệp	13

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành	13
----------------------------------	----

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động này được áp dụng cho Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên, các cá nhân, đơn vị liên có quan đến hoạt động kiểm soát tại Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau và các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của Tổng công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích các từ viết tắt

- Ban kiểm soát: là Ban kiểm soát Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát): là Kiểm soát viên Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Tổng Công ty: là Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Đơn vị trực thuộc: Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty.
- Đơn vị thành viên: Các doanh nghiệp hạch toán độc lập có phần vốn chi phối của Tổng công ty (các Công ty TNHH, cổ phần có trên 50% vốn góp của Tổng công ty trở lên).
- Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Luật doanh nghiệp: Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc luật doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung, thay thế luật này.

Điều 4. Tài liệu tham khảo

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số Điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ.
- Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Ủy Ban chứng khoán nhà nước ban hành tháng 8/2019.



CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có tối thiểu ba (03) Kiểm soát viên trong đó có 01 Trưởng ban, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng Kiểm soát viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi vào Điều lệ Tổng công ty phù hợp với luật doanh nghiệp.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp một (01) hoặc một số Kiểm soát viên kết thúc nhiệm kỳ trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm đó, để đại hội biểu quyết tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm để bầu nhân sự khác thay thế thì Kiểm soát viên đó hoặc các Kiểm soát viên đó vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có kết quả biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Trong trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số Kiểm soát viên hoặc không đủ số Kiểm soát viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay cho Hội đồng quản trị để triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Kiểm soát viên.

Điều 7. Tiêu chuẩn và Điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;



c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và Điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và theo Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, Điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát khi Tổng công ty bổ sung, thay thế nhân sự vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử (nếu có).

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử

vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức (nêu rõ lý do) gửi đến trụ sở Tổng công ty và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên của Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi biểu quyết. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:



- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn, học vấn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Ngày đầu tiên đã từng giữ chức vụ tại Tổng công ty;
- đ) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và Điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, Điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, Điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn Điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và Điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, Ban Kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp cần thiết Ban kiểm soát được quyền huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong Tổng công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát nhưng không sử dụng nhân sự của chính bộ phận đó thực hiện kiểm tra để đảm bảo tính độc lập trong việc kiểm tra, giám sát.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, Điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người Điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trưởng Ban kiểm soát Điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc



hợp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát.

25. Được tham gia các cuộc hội thảo, các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp do Tổng công ty tổ chức hoặc các đơn vị khác tổ chức theo đề nghị của Ban kiểm soát. Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc người được ủy quyền thông báo cho Ban kiểm soát biết kế hoạch tổ chức các nội dung nêu trên.

26. Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, Điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại

Khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát ủy quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát.

a) Cuộc của Ban kiểm soát có thể được tổ chức họp truyền thống, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trên.

b) Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.

c) Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày thông báo cho các kiểm soát viên.

d) Biểu quyết:

- Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này;

- Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

- Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt);

- Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.



CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người Điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cổ đông và sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị với các cổ đông.
8. Kết quả đánh giá vai trò, trách nhiệm, tính độc lập của Kiểm toán độc lập.
9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy



định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người Điều phối công việc chung của Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra giám sát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

1. Tổng giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.



2. Các báo cáo của Tổng giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị thì đồng thời gửi cho Ban kiểm soát.

3. Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

4. Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.

5. Tổng giám đốc thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên trong Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên trong Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát được đề xuất tham gia cùng một số chương trình kiểm tra, kiểm soát, đánh giá của Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết.

3. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.

4. Khi nhận được kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát tại các Ban chức năng, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của Tổng công ty thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

5. Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông là 05 ngày làm việc để thẩm định, đánh giá.

6. Ban kiểm soát gửi cho Hội đồng quản trị và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông nhưng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan của báo cáo Ban kiểm soát.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm toán nội bộ tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát trong việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

2. Ban Kiểm toán nội bộ phối hợp cùng Ban kiểm soát trong việc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán tại các Ban chức năng và đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên



của Tổng công ty theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đối với các cuộc kiểm tra mà Ban kiểm soát không phối hợp cùng Ban kiểm toán nội bộ thì Trưởng Ban kiểm toán nội bộ có trách nhiệm bố trí nhân sự hỗ trợ khi có yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Các báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ gửi Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty phải gửi đồng thời cho Ban kiểm soát.

Điều 25. Mối quan hệ với các đơn vị, bộ phận Điều hành, tác nghiệp

1. Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

2. Các đơn vị của Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau bao gồm 07 Chương, 26 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông./.

